

Danh sách kiểm tra, bao gồm các thông tin trại nuôi cần thu thập đủ trước lần thanh tra đầu tiên. Khung thời gian cho mỗi thông tin cũng được đề cập.

Số	Hồ sơ trại nuôi	Chỉ thị	Thời gian	Yes / No / NA
1	Bản đồ chi tiết trại nuôi kèm tọa độ GPS, bản đồ chỉ rõ khu vực sông và khu vực nuôi trồng thủy sản.	2.1.1a, 2.1.1b, 4.1.1b, 4.2.1b	trước lần thanh tra đầu tiên	
2	Biểu đồ cách bố trí các đơn vị nuôi của trại nuôi.	2.3.2, 2.3.3, 2.3.4	trước lần thanh tra đầu tiên	
3	Biên nhận từ ASC, trong đó trại nuôi cam kết sẽ đóng góp cho quỹ phục hồi môi trường và bình ổn xã hội.	2.2.2b	trước lần thanh tra đầu tiên	
4	Dữ liệu theo dõi lượng TP và TN xả thải.	3.1.3, 3.1.4	≥ 6 tháng	
5	Số liệu đo DO hai tuần một lần (để tính phần trăm chênh lệch nồng độ DO trong ngày).	3.2.1a, 3.2.1d	≥ 6 tháng	
6	Dữ liệu theo dõi phần trăm chênh lệch nồng độ TP và TN giữa nước vào và nước ra.	3.3.1, 3.3.2	≥ 6 tháng	
7	Số liệu đo DO mỗi tuần (để tính nồng độ DO tối thiểu trong nước thải).	3.3.3a, 3.3.3b	≥ 6 tháng	
8	Hồ sơ xả thải bùn đáy.	3.4.1b	≥ 6 tháng	
9	Hồ sơ lượng năng lượng tiêu thụ (nhiên liệu và điện).	3.6.1a	≥ 6 tháng	
10	Hồ sơ từ bên cung cấp giống, trong đó nêu rõ thủy vực sông nơi nuôi giống cá bố mẹ.	4.2.1d	≥ 6 tháng	
11	Biên nhận về nguồn giống của tất cả các lần thả cá.	4.3.1c	≥ 6 tháng	
12	Giấy xác nhận từ bên cung cấp giống, trong đó nêu rõ giống cá không phải là giống biến đổi gen hay giống lai.	4.4.1b	≥ 6 tháng	
13	Hồ sơ về kích thước của mắt lưới và vây của toàn trại nuôi.	4.5.1b	≥ 6 tháng	
14	Biên nhận của tất cả các đơn mua thức ăn công nghiệp và nguyên liệu cho thức ăn tự chế biến.	5.1.1a, 5.1.1b	≥ 6 tháng	
15	Tờ khai của nhà sản xuất thức ăn, trong đó nêu rõ phụ phẩm từ quá trình chế biến cá tra không được sử dụng để làm thức ăn hay nguyên liệu thức ăn (thức ăn tự chế biến).	5.1.2b, 5.1.2c	≥ 6 tháng	
16	Giấy xác nhận của nhà sản xuất thức ăn, trong đó nêu rõ nguồn gốc của tất cả các sản phẩm làm từ cá được sử dụng trong thức ăn.	5.1.3a, 5.1.4a, 5.1.5a, 5.1.6a, 5.1.7a	≥ 6 tháng	
17	Điểm FS hoặc giấy chứng nhận IFFO của mỗi loài được dùng làm thức ăn.	5.1.7b	≥ 6 tháng	
18	Hồ sơ (biên nhận, giấy xác nhận của nhà cung cấp), trong đó nêu rõ trọng lượng trung bình của giống và số lượng giống.	5.2.1a, 6.1.1a	≥ 6 tháng	
19	Giấy xác nhận của nhà sản xuất thức ăn, trong đó nêu rõ phần trăm bột cá và dầu cá được sử dụng trong thức ăn.	5.2.2a	≥ 6 tháng	
20	Bản mô tả các loại thuốc thú y và hóa chất được dùng tại trại nuôi, kèm theo phiếu chẩn đoán/phiếu phê duyệt của chuyên gia và lý do sử dụng.	6.2.2b, 6.2.2c	≥ 6 tháng	
21	Chỉ dẫn của chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh để chứng minh trại nuôi có tuân thủ chỉ thị 6.2.3.	6.2.3a	≥ 6 tháng	
22	Hồ sơ lưu hàng ngày về nhiệt độ nước và lượng hóa chất dùng, đối với hóa chất cần có thời gian nhất định để phân giải hoàn toàn.	6.2.4a	≥ 6 tháng	
23	Bảng chứng cho thấy trại nuôi không thu hoạch cá trước khi thuốc được phân giải hoàn toàn.	6.2.4c	≥ 6 tháng	
24	Tờ khai của chuyên gia, trong đó ghi rõ thuốc không dùng để phòng ngừa bệnh hay dùng để kích thích tăng trưởng.	6.2.6a, 6.2.7a	≥ 6 tháng	
25	Hồ sơ (biên nhận, tờ khai của chuyên gia, tờ khai của nhà cung cấp) về các loại thuốc thú y và hóa chất được sử dụng tại trại nuôi.	6.4.1a, 6.4.1c	≥ 6 tháng	
26	Giấy xác nhận của bên cung cấp giống, trong đó ghi đầy đủ các thông tin cần thiết để chứng minh trại nuôi có tuân thủ chỉ thị 6.4.2.	6.4.2a	≥ 6 tháng	
27	Hồ sơ về việc trại nuôi đã báo cáo với chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh khi cá chết vượt ngưỡng	6.4.4d	≥ 6 tháng	
28	Hồ sơ về mật độ cá ước tính ở mỗi đơn vị nuôi trong suốt chu kỳ nuôi.	6.5.2d, 6.5.3d	≥ 6 tháng	
29	Sổ ghi giờ làm việc (được cập nhật theo ngày)	7.2.2c	≥ 6 tháng	
30	Sổ ghi tất cả các tai nạn xảy ra tại trại nuôi và biện pháp khắc phục.	7.4.3a	≥ 6 tháng	
31	Bảng chấm công cho tất cả nhân viên	7.8.1a, 7.8.4b, 7.12.1a	≥ 6 tháng	
32	Biên lai thanh toán tiền lương	7.9.1e	≥ 6 tháng	
33	Hồ sơ lưu các vấn đề/ khiếu nại của nhân viên.	7.11.2a, 7.11.3a, 7.11.4a, 7.14.1b	≥ 6 tháng	
34	Mẫu đơn khiếu nại và biên lai xác nhận.	7.14.2b, 7.14.2c, 7.14.2d, 7.14.3a	≥ 6 tháng	
35	Bảng chứng về việc trại nuôi có đăng tin tuyển người tại địa phương.	7.15.1b	≥ 6 tháng	

Phạm vi: *Pangasiidae*

HƯỚNG DẪN DÀNH CHO TRẠI NUÔI/THANH TRA VIÊN

Hướng dẫn thanh tra được xây dựng để hỗ trợ tiêu chuẩn PAD, phiên bản 1.2

Lời mở đầu

Để đánh giá mức độ tuân thủ của trại nuôi với tiêu chuẩn PAD, khi xét thông tin, cần xét trên một (hoặc nhiều) vụ nuôi hoàn chỉnh, hoặc tại một thời điểm nhất định của vụ nuôi (như thả cá) như được đề cập trong một số yêu cầu. Do đó, trong lần thanh tra đầu tiên, với mỗi điểm nuôi, trại nuôi phải cung cấp đầy đủ dữ liệu của ít nhất một vụ hoặc nhiều vụ hoàn chỉnh.

Trong lần thanh tra đầu tiên:

- với mỗi điểm nuôi, người nuôi phải cung cấp đầy đủ hồ sơ (thức ăn sử dụng, tỷ lệ tử vong, etc.) của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (vụ nuôi được tính từ lúc thả cá đến lúc thu hoạch cá) và các thông tin liên quan đến các vụ nuôi đã thực hiện.
- thanh tra viên sẽ dựa vào hồ sơ của mỗi điểm nuôi để đánh giá mức độ tuân thủ của trại nuôi với từng chỉ thị liên quan.

Áp dụng cho tất cả các yêu cầu liên quan

Trại nuôi: Trong lần thanh tra đầu tiên: ít nhất phải có dữ liệu của một vụ nuôi hoàn chỉnh tại mỗi điểm nuôi và dữ liệu phải sẵn sàng để thanh tra.

Thanh tra viên: Trong lần thanh tra đầu tiên: phải sử dụng dữ liệu trên để đánh giá tuân thủ.

NGUYÊN TẮC 1. VỊ TRÍ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRẠI NUÔI PHẢI PHÙ HỢP VỚI KHUNG PHÁP LÝ CỦA QUỐC GIA VÀ ĐỊA PHƯƠNG

1.1 Tiêu chí: Quy định của quốc gia và địa phương

		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
1.1.1	Chỉ thị: Có đầy đủ các giấy phép và giấy đăng ký cần thiết theo đúng quy định của chính quyền trung ương và địa phương Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Có lưu hồ sơ chứng minh trại nuôi có đầy đủ các giấy đăng ký theo quy định của chính quyền trung ương và địa phương.	A. Xác minh trại nuôi có đầy đủ các giấy đăng ký theo quy định của chính quyền trung ương và địa phương.
		b. Có giấy phép trại nuôi trồng thủy sản (nếu luật có quy định).	B. Xác minh trại nuôi có giấy phép trại nuôi trồng thủy sản (nếu luật có quy định).
		c. Có giấy phép kinh doanh (commercial licence) (nếu luật có quy định).	C. Xác minh trại nuôi có giấy phép kinh doanh (nếu luật có quy định)
		d. Có các hợp đồng hay giấy phép khác theo quy định của chính quyền trung ương và địa phương (xem chỉ thị 1.1.3 và 1.1.4).	D. Xác minh tính tuân thủ
1.1.2	Chỉ thị: Có giấy tờ chứng minh việc tuân thủ các quy định về thuế Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Có lưu hồ sơ đóng thuế (như thuế sử dụng đất, thuế sử dụng nước, và thuế tính trên doanh thu) trong 12 tháng gần nhất. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ đóng thuế từ 6 tháng trở lên.	A. Xác minh trại nuôi có lưu hồ sơ đóng thuế [Ghi chú: với các hệ thống tích hợp, thông tin đóng thuế có thể đang ở trạng thái chờ xử lý. Dù vậy, trại nuôi phải đưa ra được bằng chứng chứng minh đã đóng thuế]
		b. Có cập nhật thông tin về luật thuế hiện hành được áp dụng tại khu vực hoạt động của trại nuôi.	B. Xác minh trại nuôi nắm được các thông tin về luật thuế hiện hành và có hiểu biết cơ bản về thuế.

<p>1.1.3</p>	<p>Chỉ thị: Có giấy tờ chứng minh việc tuân thủ các quy định về xả nước (bao gồm cả xả nước thải)</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Ao nuôi</p>	<p>Hướng dẫn áp dụng chỉ thị 1.1.3 - Chứng minh tính tuân thủ các quy định về xả nước</p> <p>Chỉ thị 1.1.3 yêu cầu trại nuôi phải đưa ra được bằng chứng chứng minh trại nuôi có tuân thủ các quy định của quốc gia và địa phương về xả nước. Nếu cơ quan chức năng giới hạn lượng nước xả của trại nuôi (ví dụ cấp phép xả thải hoặc giấy tờ tương tự), trại nuôi có nghĩa vụ chứng minh tính tuân thủ. Bốn bằng chứng sau được tiêu chuẩn chấp nhận:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xác nhận của phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO 17025 là cán bộ phòng thí nghiệm đã đến thu mẫu tại nguồn; Kết quả phân tích nước của phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO 17025; Các tài liệu pháp lý liên quan chứng minh tính tuân thủ; hoặc Xác nhận của chính quyền địa phương có thẩm quyền và có đủ năng lực để phân tích các thông số về chất lượng nước <p>Nếu có các quy định về giám sát xả nước tại trại nuôi, việc giám sát phải được tiến hành hàng năm (mức tối thiểu) hoặc thường xuyên hơn nếu quy định của quốc gia hay địa phương có yêu cầu. Nếu trại nuôi không có đủ bằng chứng chứng minh tính tuân thủ các quy định về xả nước, thanh tra viên sẽ đánh giá là không phù hợp.</p> <p>Ghi chú 1: Tiêu chuẩn PAD có đề ra các tiêu chí cho một vài thông số về chất lượng nước. Các thông số này được đánh giá riêng biệt trong nguyên tắc 3.</p>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1902 730 2021 831">a. Có giấy xác nhận của phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO 17025, trong đó nêu rõ cán bộ thí nghiệm đã đến thu mẫu tại nguồn.</td> <td data-bbox="2021 730 2778 831">A. Xác minh tính tuân thủ. Nếu chỉ có (b), (c) hoặc (d), ghi chú "không áp dụng" cho (a).</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1902 831 2021 932">b. Có kết quả phân tích nước đến từ phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO 17025</td> <td data-bbox="2021 831 2778 932">B. Xác minh tính tuân thủ. Nếu chỉ có (a), (c) hoặc (d), ghi chú "không áp dụng" cho (b).</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1902 932 2021 1033">c. Có các tài liệu pháp lý liên quan chứng minh tính tuân thủ.</td> <td data-bbox="2021 932 2778 1033">C. Xác minh tính tuân thủ. Nếu chỉ có (a), (b) hoặc (d), ghi chú "không áp dụng" cho (c).</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1902 1033 2021 1108">d. Có giấy xác nhận của chính quyền địa phương có thẩm quyền và có đủ năng lực để phân tích các thông số về chất lượng nước</td> <td data-bbox="2021 1033 2778 1108">D. Xác minh tính tuân thủ. Nếu chỉ có (a), (b) hoặc (c), ghi chú "không áp dụng" cho (d).</td> </tr> </table>	a. Có giấy xác nhận của phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO 17025, trong đó nêu rõ cán bộ thí nghiệm đã đến thu mẫu tại nguồn.	A. Xác minh tính tuân thủ. Nếu chỉ có (b), (c) hoặc (d), ghi chú "không áp dụng" cho (a).	b. Có kết quả phân tích nước đến từ phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO 17025	B. Xác minh tính tuân thủ. Nếu chỉ có (a), (c) hoặc (d), ghi chú "không áp dụng" cho (b).	c. Có các tài liệu pháp lý liên quan chứng minh tính tuân thủ.	C. Xác minh tính tuân thủ. Nếu chỉ có (a), (b) hoặc (d), ghi chú "không áp dụng" cho (c).	d. Có giấy xác nhận của chính quyền địa phương có thẩm quyền và có đủ năng lực để phân tích các thông số về chất lượng nước	D. Xác minh tính tuân thủ. Nếu chỉ có (a), (b) hoặc (c), ghi chú "không áp dụng" cho (d).
a. Có giấy xác nhận của phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO 17025, trong đó nêu rõ cán bộ thí nghiệm đã đến thu mẫu tại nguồn.	A. Xác minh tính tuân thủ. Nếu chỉ có (b), (c) hoặc (d), ghi chú "không áp dụng" cho (a).										
b. Có kết quả phân tích nước đến từ phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO 17025	B. Xác minh tính tuân thủ. Nếu chỉ có (a), (c) hoặc (d), ghi chú "không áp dụng" cho (b).										
c. Có các tài liệu pháp lý liên quan chứng minh tính tuân thủ.	C. Xác minh tính tuân thủ. Nếu chỉ có (a), (b) hoặc (d), ghi chú "không áp dụng" cho (c).										
d. Có giấy xác nhận của chính quyền địa phương có thẩm quyền và có đủ năng lực để phân tích các thông số về chất lượng nước	D. Xác minh tính tuân thủ. Nếu chỉ có (a), (b) hoặc (c), ghi chú "không áp dụng" cho (d).										
<p>1.1.4</p>	<p>Chỉ thị: Xuất trình các tài liệu chứng minh sự tuân thủ các quy định về sử dụng đất và nước do chính quyền trung ương và địa phương ban hành</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đối với ao nuôi, có lưu bản sao quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất. Đối với đặng, quầng hoặc lồng nuôi, có giấy phép chứng minh trại nuôi được phép xây dựng tại vị trí được chỉ định.</p> <p>b. Được cấp phép sử dụng nước và xả nước khi vận hành trại nuôi. Tuân thủ với bất kỳ hoặc tất cả các yêu cầu giới hạn được đề cập trong giấy phép (ví dụ công suất sản xuất tối đa, thể tích nước sử dụng, v.v.)</p> <p>c. Nếu trại nuôi được đặt tại quốc gia và khu vực không có hệ thống cấp phép quyền sử dụng đất và nước, cung cấp bằng chứng (như giấy xác nhận của cơ quan chức năng) chứng minh trại nuôi có quyền sử dụng.</p>	<p>A. Xác minh trại nuôi có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất và nước.</p> <p>B. Xác minh trại nuôi có giấy phép và tuân thủ các điều khoản được nêu trong giấy phép.</p> <p>C. Nếu đánh giá tiêu chuẩn này, cần rà soát bằng chứng để xác nhận trại nuôi không cần phải có giấy phép để được sử dụng đất và nước tại quốc gia và khu vực đó.</p>								
<p>NGUYÊN TẮC 2: TRẠI NUÔI PHẢI ĐƯỢC ĐẶT, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ SAO CHO TRÁNH (HOẶC ÍT NHẤT HẠN CHẾ TỐI ĐA) CÁC TÁC ĐỘNG XẤU LÊN MÔI TRƯỜNG VÀ NHỮNG NGƯỜI CÙNG SỬ DỤNG</p>											
<p>2.1 <i>Tiêu chí: Tuân thủ kế hoạch phát triển được ban hành chính thức</i></p>											
		<p>Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):</p>	<p>Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):</p>								
<p>GHI CHÚ: Xem hướng dẫn thu thập dữ liệu không gian cho ASC tại đây https://www.asc-aqua.org/resources/for-farms/gis-portal/</p>											
<p>2.1.1</p>	<p>Chỉ thị: Trại nuôi [4] được đặt tại các khu vực được phép phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản</p> <p>Yêu cầu: Có</p>	<p>a. Cung cấp hồ sơ về hệ thống thông tin địa lý (GIS) theo hướng dẫn của ASC (xem ghi chú bên trên) để chứng minh ranh giới của trại nuôi.</p> <p>b. Cung cấp bản quy hoạch chính thức, trong đó xác nhận đây là khu vực được phép nuôi trồng thủy sản. Nếu không có bản quy hoạch, cung cấp giấy xác nhận từ cơ quan chức năng.</p>	<p>A. Rà soát hồ sơ GIS và kiểm tra liệu hồ sơ có tuân theo hướng dẫn của ASC hay không.</p> <p>B. Nếu trại nuôi xác nhận không có bản quy hoạch, kiểm tra lại thông tin để chắc chắn quốc gia và khu vực mà trại nuôi hoạt động không phân chia các khu vực được phép nuôi trồng thủy sản.</p>								

	Áp dụng: Tất cả	c. Chứng minh trại nuôi được đặt tại khu vực được phép nuôi trồng thủy sản bằng cách cung cấp thêm các bằng chứng từ bản đồ hoặc từ danh sách các địa điểm được chỉ định cho nuôi trồng bên cạnh dữ liệu về ranh giới trại nuôi khi chuẩn bị hồ sơ GIS.	C. Xác minh trại nuôi được đặt tại khu vực được phép nuôi trồng thủy sản. Nếu không có khu vực như trên, thanh tra viên ghi chú là "không áp dụng".
Footnote	[4] Ao, lồng và đăng, quầng		
2.2 Tiêu chí: Chuyển đổi các hệ sinh thái tự nhiên			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
2.2.1	Chỉ thị: Với trại nuôi [5], có bằng chứng [6] cho thấy trại nuôi không được đặt tại hay mở rộng lấn sang các vùng đất ngập tự nhiên (theo định nghĩa của Ramsar) Yêu cầu: Có Áp dụng: Sau tháng 5/1999	a. Có tờ khai trong đó nêu rõ ngày tháng năm xây dựng trại nuôi, ngày tháng năm mở rộng trại nuôi, lý do chuyển đổi vùng đầm lầy nếu ngày chuyển đổi là sau tháng 5 năm 1999	A. Xác minh tính chính xác của tờ khai qua buổi làm việc với cộng đồng địa phương (7.13.1).
		b. Nếu trại nuôi (hoặc bất kỳ khu vực mở rộng của trại) được xây dựng sau tháng 5 năm 1999, trại nuôi phải có giấy xác nhận/bản đồ về lịch sử sử dụng đất được cung cấp bởi cơ quan chính phủ, trong đó nêu rõ đất trại nuôi đã được chuyển đổi thành đất nông nghiệp hay đất nuôi trồng thủy sản từ thời điểm cách đây 10 năm.	B. Rà soát bằng chứng do cơ quan chính phủ cung cấp. Khi có bản đồ sử dụng đất hay dữ liệu không gian, kiểm tra chéo với bản đồ của trại nuôi (xem chỉ thị 2.1.1).
			C. Xác minh tính chính xác của (a) và (b) qua buổi làm việc với cộng đồng địa phương để xác nhận không có bằng chứng cho thấy có sự chuyển đổi vùng đầm lầy tự nhiên hay bất kỳ hệ sinh thái nào khác (ngoài đất nông nghiệp hay đất nuôi trồng thủy sản) thành đất trại nuôi theo yêu cầu của chỉ thị 2.2.1
		d. Cung cấp hồ sơ hệ thống thông tin địa lý (GIS) theo hướng dẫn của ASC (xem ghi chú bên trên) để chứng minh ranh giới của trại nuôi so với ranh giới vùng đầm lầy tự nhiên xung quanh (theo định nghĩa của Ramsar)	D. Rà soát hồ sơ GIS và kiểm tra chéo với các nguồn thông tin độc lập khác (như ứng dụng GIS của ASC) để xác nhận liệu trại nuôi có được xây dựng trên vùng đầm lầy tự nhiên hay không (theo định nghĩa của Ramsar).
Footnote	[5] Đối với ao nuôi được xây dựng sau khi tiêu chuẩn PAD có hiệu lực		
Footnote	[6] Từ các tổ chức chính phủ		
2.2.2	Chỉ thị: Có bằng chứng cho thấy mỗi năm trại nuôi đều đóng góp ít nhất 0.5 USD trên mỗi tấn cá thương phẩm cho quỹ phục hồi môi trường và bình ổn xã hội [7] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Nộp bản cam kết có ký xác nhận đến ASC, trong đó nêu rõ từ ngày đầu tiên chứng nhận có hiệu lực, trại nuôi cam kết đóng góp cho quỹ số tiền theo số cá thu hoạch đã được chứng nhận.	A. Xác minh trại nuôi đã ký bản cam kết đóng góp cho quỹ.
		b. Giữ lại biên nhận, trong đó chứng minh ASC đã nhận được bản cam kết có chữ ký của trại nuôi.	B. Xác minh giấy biên nhận của ASC.
		c. Giữ lại bằng chứng chứng minh các đợt đóng tiền cho quỹ.	C. Xác minh trại nuôi có đóng góp cho quỹ. Ngay khi ASC thành lập quỹ, thông tin sẽ được đăng trên website của ASC.
Footnote	[7] Quỹ phải được xác định bởi Hội đồng Quản lý Nuôi trồng thủy sản (ASC). Nếu quỹ chưa được thành lập và được công nhận bởi ASC tại thời điểm thanh tra, tiêu chuẩn 2.2.2 sẽ không được áp dụng		
2.2.3	Chỉ thị: Trại nuôi không thải đất vào các thủy vực chung [8][9] Yêu cầu: Có Áp dụng: Ao nuôi được xây sau ngày 31/8/2010	a. Có tờ khai, trong đó nêu rõ trại nuôi không thải đất vào thủy vực chung kể từ ngày 31/8/2010.	A. Xác minh trại nuôi có làm tờ khai.
		b. Nếu các hoạt động thi công được đề cập trong mục 2.2.1 có bao gồm việc thải bỏ đất và việc thải bỏ xảy ra sau ngày 31/8/2010, cung cấp giấy xác nhận nêu rõ nơi thải bỏ đất hay biện pháp thải bỏ.	B. Rà soát danh sách các hoạt động thi công và biện pháp thải bỏ đất.
			C. Trong buổi làm việc với cộng đồng địa phương, xác minh không có bằng chứng cho thấy trại nuôi đã thải bỏ đất vào thủy vực chung.
Footnote	[8] Đối với các ao nuôi được xây dựng sau khi tiêu chuẩn PAD có hiệu lực		
Footnote	[9] Trường hợp ngoại lệ là khi thải bỏ đất vào thủy vực thuộc khu vực trại nuôi và không gây tác động xấu đến những người sử dụng tài nguyên nước khác		

2.2.4	Chỉ thị: Trại nuôi không gây hại cho các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng [10][11] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Nghiên cứu các tài liệu được công bố và không được công bố (như báo địa phương, tạp chí) về các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng trong khu vực.	A. Rà soát tính chính xác của kết quả nghiên cứu và liệu nghiên cứu đã được hoàn tất hay chưa.
		b. Kiểm tra liệu khu vực nuôi có các loài nằm trong danh sách các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng do cơ quan chức năng đề ra hay không.	B. Rà soát nguồn dữ liệu và tính chính xác của danh sách.
		c. Chuẩn bị danh sách các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng xuất hiện trong khu vực bằng cách tổng hợp kết quả từ 2.2.4(a) và 2.2.4(b) với dữ liệu của IUCN (xem chỉ thị 6.6.2)	C. Rà soát xem danh sách đã được hoàn thiện hay chưa. Đối chiếu với sách đỏ của IUCN (xem chỉ thị 6.6.2)
		d. Xây dựng quy trình (ở dạng văn bản), trong đó nêu rõ biện pháp trại nuôi áp dụng để tránh gây tác động xấu đến các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng nếu các loài này có xuất hiện trong trại nuôi.	D. Rà soát xem quy trình có phù hợp hay chưa.
			E. Trong buổi làm việc với cộng đồng địa phương, xác minh không có bằng chứng cho thấy: - trại nuôi hiện đang gây tác động xấu đến các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng - trại nuôi gần đây có gây tác động xấu (kể từ tháng 8/2010).
Footnote	[10] Người nuôi sẽ phải nộp kết quả tìm kiếm các tài liệu được công bố và không được công bố (như tờ báo địa phương, tạp chí). Người nuôi cũng cần đưa ra các thông báo của cộng đồng và tổ chức địa phương		
Footnote	[11] Theo quy định của IUCN và chính quyền trung ương.		
2.3 Tiêu chí: Sự lưu thông giữa các địa điểm			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
2.3.1	Chỉ thị: 2.3.1 Trại nuôi không được cản trở sự di chuyển của tàu bè, động vật thủy sinh hay lưu chuyển nước Yêu cầu: Có Áp dụng: Ao nuôi và lồng nuôi	a. Có lời làm chứng của cộng đồng hoặc các bằng chứng khác cho thấy trại nuôi không cản trở sự di chuyển của tàu bè, động vật thủy sinh hay lưu chuyển nước	A. Kiểm tra trại nuôi để xác minh đặng, quầng, lồng nuôi và/hoặc các cơ sở hạ tầng khác của trại nuôi không cản trở sự di chuyển của tàu bè, động vật thủy sinh hay lưu chuyển nước
			Trong buổi làm việc với cộng đồng địa phương, xác minh không có bằng chứng cho thấy trại nuôi cản trở sự di chuyển của tàu bè, động vật thủy sinh hay lưu chuyển nước
2.3.2	Chỉ thị: Bề rộng tối thiểu của thủy vực [15] không có lồng (xem biểu đồ 1, phụ lục C) Yêu cầu: ≥ 50% Áp dụng: Lồng nuôi	a. Cung cấp bản đồ hoặc biểu đồ cho thấy thông số đo lường của lồng nuôi và bề rộng của thủy vực.	A. Kiểm tra chéo bản đồ hay biểu đồ hiện tại của trại nuôi bằng các sử dụng Google Map, hình ảnh vệ tinh hoặc các biện pháp tương tự (nếu biện pháp đó có thể cung cấp thông tin chi tiết). Nếu bố cục của trại nuôi khác với hình ảnh được ghi nhận gần đây nhất, xác minh bản đồ hay biểu đồ phản ánh đúng bố cục trại nuôi.
		b. Cung cấp thông số đo lường và cách tính để chứng minh tính tuân thủ (xem biểu đồ 1, phụ lục C, tiêu chuẩn PAD)	B. Xác minh cách tính là đúng và trại nuôi có tuân thủ.
Footnote	[15] Thủy vực: Bất kỳ ao, hồ, kênh, sông, suối, hoặc bất kỳ khối tích lầy nước đáng kể nào, dù thuộc sở hữu công hay tư nhân, và bao gồm cả hai bên bờ và đê bao		
2.3.3	Chỉ thị: Bề rộng tối đa của trại nuôi tại thời điểm mực nước/bề rộng thủy vực là nhỏ nhất (xem biểu đồ 2, phụ lục C) Yêu cầu: ≤ 20% bề rộng thủy vực Áp dụng: Đặng, quầng	a. Cung cấp bản đồ hoặc biểu đồ cho thấy thông số đo lường của đặng, quầng và bề rộng thủy vực.	A. Kiểm tra chéo bản đồ hay biểu đồ hiện tại của trại nuôi bằng các sử dụng Google Map, hình ảnh vệ tinh hoặc các biện pháp tương tự (nếu biện pháp đó có thể cung cấp thông tin chi tiết).
		b. Cung cấp thông số đo lường và cách tính để chứng minh tính tuân thủ (xem biểu đồ 2, phụ lục C, tiêu chuẩn PAD)	B. Xác minh cách tính là đúng và trại nuôi có tuân thủ.
			C. Kiểm tra trại nuôi để xác minh biểu đồ trại nuôi phản ánh chính xác kích thước và vị trí của đặng, quầng trong thủy vực.

2.3.4	<p>Chỉ thị: Số lượng tối đa các đặng, quầng được phép đặt cạnh nhau (xem biểu đồ 3, phụ lục C)</p> <p>Yêu cầu: Hai, và chỉ khi có một đoạn bờ sông ở cả hai bên đặng quầng, có chiều dài bằng chiều dài của 2 đặng, quầng và không bị canh tác</p> <p>Áp dụng: Đặng, quầng</p>	<p>a. Cung cấp bản đồ hoặc biểu đồ cho thấy kích thước và số lượng đặng, quầng, cũng như khoảng cách đường bờ giữa các đặng, quầng.</p> <p>b. Trên bản đồ, chứng minh cách trại nuôi bố trí đặng, quầng tuân thủ với yêu cầu của tiêu chuẩn về số lượng và khoảng cách (xem biểu đồ 3, phụ lục C)</p>	<p>A. Kiểm tra trại nuôi để xác minh biểu đồ trại nuôi phản ánh chính xác kích thước và vị trí của đặng, quầng, cũng như khoảng cách đường bờ giữa các đặng, quầng.</p> <p>B. Xác minh trại nuôi có tuân thủ cách sắp xếp đặng, quầng.</p>
2.4 Tiêu chí: Sử dụng nước			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
2.4.1	<p>Chỉ thị: Trại nuôi tuân thủ các quy định về giới hạn sử dụng nước [16] được quy định bởi chính quyền địa phương hoặc một tổ chức độc lập có uy tín [17]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Ao nuôi</p>	<p>a. Lưu hồ sơ về lượng nước cấp. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).</p> <p>b. Có giấy xác nhận của chính quyền địa phương, trong đó nêu rõ giới hạn sử dụng nước (phải có đơn vị đi kèm) của trại nuôi. Nếu chính quyền địa phương không giới hạn lượng nước mà trại nuôi được phép sử dụng để vận hành trại, phải có giấy xác nhận của địa phương chứng minh đúng là không có quy định này.</p> <p>c. Nếu chính quyền địa phương không đề ra giới hạn sử dụng nước (xem 2.4.1b), phải có giấy xác nhận từ một tổ chức độc lập có uy tín (xem footnote 17), trong đó nêu rõ giới hạn sử dụng nước (phải có đơn vị đi kèm) của trại nuôi.</p> <p>d. Chứng minh uy tín của cơ quan/tổ chức nêu tại 2.4.1(b) bằng cách cung cấp các bài nghiên cứu và/hoặc báo cáo về việc phân bổ nước (các bài này phải được bình duyệt) (nếu có)</p> <p>e. Tính toán nguồn nước cấp của trại nuôi theo từng vụ nuôi một để chứng minh tại nuôi có tuân thủ giới hạn sử dụng nước.</p>	<p>A. Xác minh trại nuôi có lưu hồ sơ hoàn chỉnh về lượng nước cấp.</p> <p>B. Rà soát về giới hạn sử dụng nước được quy định bởi chính quyền địa phương. Nếu chính quyền địa phương không quy định, xác minh trại nuôi có giấy xác nhận.</p> <p>C. Rà soát bằng chứng về giới hạn sử dụng nước được quy định bởi tổ chức độc lập có uy tín (nếu mục này được áp dụng).</p> <p>D. Rà soát bằng chứng về uy tín của cơ quan/tổ chức chịu trách nhiệm đề ra quy định giới hạn nước (nếu mục này được áp dụng).</p> <p>E. Kiểm tra lượng nước cấp của trại nuôi với giới hạn sử dụng nước. Xác minh trại nuôi có tuân thủ giới hạn do chính quyền địa phương đề ra. Kiểm tra chéo với giá trị ghi nhận cho tổng lượng nước được dẫn vào ao (xem chỉ thị 2.4.2)</p>
Footnote	<p>[16] Áp dụng với cả nước mặt và nước ngầm. Nước mặt được định nghĩa là "nước nằm trên mặt đất hay nằm trong dòng suối, sông, hồ, đầm lầy hay đại dương". Nước ngầm được định nghĩa là "nước nằm dưới bề mặt đất và cung cấp nước cho giếng và mạch nước".</p>		
Footnote	<p>[17] Tổ chức được xem là tổ chức độc lập có uy tín có thể là tổ chức chính phủ, tổ chức học thuật mà tổ chức không có mối liên hệ đặc biệt nào với ngành nuôi trồng thủy sản, mà chỉ đưa ra các thông số sử dụng nước cho khu vực, hay chịu trách nhiệm phân phối nước. Danh tiếng của tổ chức được chứng minh qua các bài nghiên cứu và/hoặc bản báo cáo về phân phối nước đã được bình duyệt do người nuôi cung cấp. Tài liệu về một ngành khác không phải ngành nuôi trồng thủy sản cũng được chấp nhận. Tổ chức ít nhất phải lưu hồ sơ hoạt động được ba năm.</p>		
2.4.2	<p>Chỉ thị: Tỷ lệ lượng nước tối đa được dẫn vào ao [18] (không phải nước tiêu thụ) trên một tấn cá thương phẩm (tính lượng nước được dẫn vào ao theo công thức tại phụ lục D)</p>	<p>Hướng dẫn dành cho người nuôi về cách áp dụng chỉ thị 2.4.2 - Tính tỷ lệ tổng lượng nước được dẫn vào ao trên số tấn cá thương phẩm</p> <p>Phụ lục D của tiêu chuẩn PAD trình bày công thức tính "Q" - tỷ lệ tổng lượng nước được dẫn vào ao trên số tấn cá thương phẩm. Trại nuôi phải tính tỷ lệ này dựa trên các dữ liệu thu được từ mỗi ao khi thu hoạch (nghĩa là được tính theo từng vụ một) và dựa trên các kết quả này để tính giá trị trung bình toàn trại nuôi. Cách tính được đề cập ngay sau đây. Với ao đầu tiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - tính tổng thể tích nước được dẫn vào ao ("TEV"), đơn vị m³, trong suốt chu kỳ nuôi; - tính tổng trọng lượng cá thương phẩm ("A"), đơn vị tấn, tại thời điểm thu hoạch; - tính tỷ lệ Q cho ao đầu tiên bằng công thức: $Q = TEV / A$ <p>Lặp lại các bước trên với ao số hai, số ba, v.v. cho đến ao cuối cùng. Sử dụng giá trị Q tính được từ mỗi ao (Q1, Q2, Q3,..., Qn) để tính giá trị trung bình toàn trại nuôi, Qavg.</p> <p>a. Sử dụng hồ sơ về lượng nước cấp (xem 2.4.1a), tính tổng lượng nước được dẫn vào (m³) của từng ao tại thời điểm thu hoạch. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).</p>	<p>A. Rà soát cách tính lượng nước cấp để xác minh tính chính xác.</p>

Yêu cầu: 5,000 m3/tấn cá thương phẩm Áp dụng: Ao nuôi	b. Lưu hồ sơ về tổng số cá thu hoạch tại mỗi ao nuôi.	B. Xác minh trại nuôi có lưu hồ sơ về tổng số cá thu hoạch.
	c. Tính tổng trọng lượng cá thương phẩm (đơn vị tấn) tại mỗi ao nuôi.	C. Rà soát số liệu với hồ sơ bán hàng và ước tính sinh khối cá hiện tại để xác minh tính chính xác. Nếu cần, đối chiếu tổng trọng lượng với trọng lượng của bất kỳ con cá nào đã được thu hoạch nhưng chưa được bán (tức là mất mùa do dịch bệnh).
	d. Với mỗi ao nuôi, tính tỷ lệ tổng lượng nước được dẫn vào ao trên số tấn cá thương phẩm (xem hướng dẫn bên trên và phụ lục D của tiêu chuẩn PAD).	D. Rà soát cách tính của trại nuôi để xác minh tính chính xác. Kiểm tra chéo để đảm bảo thể tích nước (2.4.2a) và trọng lượng cá thu hoạch (2.4.2b) của mỗi ao nuôi phù hợp với tổng sản xuất hàng năm (2.4.2c) và tổng lượng nước cấp hàng năm (2.4.1e).
	e. Sử dụng kết quả của tất cả ao nuôi đã được thu hoạch để tính tỷ lệ trung bình của toàn trại nuôi (xem hướng dẫn bên trên).	E. Xác nhận giá trị Q trung bình toàn trại nuôi ≤ 5.000 m3/tấn cá thương phẩm.

Footnote [18] Nước sử dụng là nước lấy từ thủy vực và đưa vào trại nuôi, bao gồm cả nước mặt và nước ngầm.

NGUYÊN TẮC 3: HẠN CHẾ TỐI ĐA TÁC ĐỘNG XẤU CỦA NUÔI TRỒNG CÁ TRA LÊN TÀI NGUYÊN ĐẤT VÀ NƯỚC

3.1 Tiêu chí: Hiệu quả sử dụng dinh dưỡng

		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
3.1.1 Chỉ thị: Lượng phosphorus tổng số (TP) tối đa [19] được bổ sung vào thức ăn trên một tấn cá thương phẩm Yêu cầu: 20 kg/t Áp dụng: Đãng, quầng và lồng nuôi	<p>Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 3.1.1 và 3.1.2 - Phân tích của phòng thí nghiệm về lượng TP và TN trong thức ăn Để chứng minh tính tuân thủ với chỉ thị 3.1.1 và 3.1.2, trại nuôi phải tính được lượng phosphorus tổng số (TP) và lượng nitrogen tổng số (TN) trong thức ăn. Trại nuôi phải có tờ khai từ mỗi nhà cung cấp thức ăn, trong đó nêu rõ hàm lượng TP và TN tối đa có trong thức ăn. Trại nuôi phải xác minh tờ khai của nhà cung cấp bằng cách xét nghiệm một số mẫu đại diện (ví dụ cứ 1.000 tấn thức ăn sử dụng thì lấy một mẫu) để kiểm tra lượng TP và TN. Xét nghiệm phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hoàn toàn độc lập và đạt chuẩn ISO 17025. Kết quả thu về sẽ phải khớp với thông tin được nêu trong tờ khai của nhà cung cấp và thức ăn nằm trong giới hạn cho phép được đề cập trong tờ khai. Tất cả dạng thức ăn, dù là thức ăn tự chế biến hay thức ăn công nghiệp, đều phải được đưa vào trong công thức và tất cả thức ăn đều phải tuân thủ tiêu chuẩn. Lượng TP và TN được tính theo từng vụ một.</p> <p>Ghi chú 1: Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi không nhất thiết phải thuê một phòng thí nghiệm độc lập làm xét nghiệm lượng TP và TN có trong thức ăn. Ghi chú 2: Thức ăn là bao gồm tất cả mọi loại thức ăn, bất kể được sản xuất ở đâu và bằng cách nào, và áp dụng cho mọi trại nuôi muốn được cấp chứng nhận.</p>		
	a. Lưu hồ sơ về loại thức ăn và lượng thức ăn sử dụng. Yêu cầu áp dụng với tất cả loại thức ăn được dùng trong vụ nuôi và được đưa vào công thức. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	A. Xác nhận trại nuôi đã hoàn tất hồ sơ và ghi chép chính xác loại và lượng thức ăn sử dụng.	
	b. Có tờ khai của tất cả các nhà cung cấp về lượng TP có trong tất cả thức ăn được sử dụng trong vụ nuôi và được đưa vào công thức. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	B. Xác minh trại nuôi có tờ khai của nhà cung cấp về lượng TP có trong thức ăn.	
	c. Có bằng chứng chứng minh trại nuôi đã cho xét nghiệm lượng TP của một số mẫu đại diện (xem hướng dẫn) nhằm xác minh tờ khai của nhà cung cấp là chính xác và thức ăn nằm trong nằm trong giới hạn cho phép được đề cập trong tờ khai (nếu có).	C. Rà soát bằng chứng để xác nhận trại nuôi có kiểm tra liệu nhà cung cấp có khai chính xác lượng TP có trong thức ăn hay không.	
	d. Sử dụng kết quả 3.1.1a và 3.1.1b để tính lượng TP (kg) được thêm vào mỗi đơn vị nuôi. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	D. Rà soát cách tính của trại nuôi. Kiểm tra chéo hồ sơ mua hàng với thông tin về lượng thức ăn do trại nuôi cung cấp.	
	e. Dùng kết quả tính tổng trọng lượng cá thương phẩm (từ 2.4.2c) để tính lượng TP được thêm vào dưới dạng thức ăn trên một tấn cá thương phẩm. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	E. Rà soát cách tính của trại nuôi để xác nhận trại nuôi có tuân thủ yêu cầu.	

Footnote [19] TP là bao gồm mọi dạng phosphorus được tìm thấy trong mẫu thử (theo tiêu chí Vụ Khí tượng Thủy văn, Úc)

3.1.2	<p>Chỉ thị: Lượng nitrogen tổng số (TN) tối đa [20] được bổ sung vào thức ăn [21] trên một tấn cá thương phẩm</p> <p>Yêu cầu: 70 kg/t</p> <p>Áp dụng: Đấng, quầng và lồng nuôi</p>	Ghi chú: Xem hướng dẫn cách áp dụng chỉ thị 3.1.1	
		a. Lưu hồ sơ về loại thức ăn và lượng thức ăn sử dụng. Yêu cầu áp dụng với tất cả loại thức ăn được dùng trong vụ nuôi và được đưa vào công thức. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	A. Xác nhận trại nuôi đã hoàn tất hồ sơ và ghi chép chính xác loại và lượng thức ăn sử dụng.
		b. Có tờ khai của tất cả các nhà cung cấp về lượng TN có trong tất cả thức ăn được sử dụng trong vụ nuôi và được đưa vào công thức. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	B. Xác minh trại nuôi có tờ khai của nhà cung cấp về lượng TN có trong thức ăn.
		c. Có bằng chứng chứng minh trại nuôi đã cho xét nghiệm lượng TN của một số mẫu đại diện (xem hướng dẫn) nhằm xác minh tờ khai của nhà cung cấp là chính xác và thức ăn nằm trong nằm trong giới hạn cho phép được đề cập trong tờ khai (nếu có).	C. Rà soát bằng chứng để xác nhận trại nuôi có kiểm tra liệu nhà cung cấp có khai chính xác lượng TN có trong thức ăn hay không.
		d. Sử dụng kết quả 3.1.2a và 3.1.2b để tính lượng TN (kg) được thêm vào mỗi đơn vị nuôi. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	D. Rà soát cách tính của trại nuôi. Kiểm tra chéo hồ sơ mua hàng với thông tin về lượng thức ăn do trại nuôi cung cấp.
		e. Dùng kết quả tính tổng trọng lượng cá thương phẩm (từ 2.4.2c) để tính lượng TN được thêm vào dưới dạng thức ăn trên một tấn cá thương phẩm. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	E. Rà soát cách tính của trại nuôi để xác nhận trại nuôi có tuân thủ yêu cầu.
Footnote	[20] TN là bao gồm mọi dạng nitrogen được tìm thấy trong mẫu thử, như nitrate, nitrite, ammonia N và các dạng hữu cơ (theo tiêu chí Vụ Khí tượng Thủy văn, Úc)		
Footnote	[21] Thức ăn là bao gồm tất cả mọi loại thức ăn, bất kể được sản xuất ở đâu và bằng cách nào, và áp dụng cho mọi trại nuôi muốn được cấp chứng nhận. Các trại nuôi đáp ứng được yêu cầu trên phải chứng minh được tính tuân thủ, bất kể nguồn thức ăn của họ được sản xuất công nghiệp hay tự chế biến. Xem nguyên tắc 5 để biết thêm chi tiết.		
3.1.3	<p>Chỉ thị: Lượng TP thải ra trên một tấn cá thương phẩm (xem phương pháp đo và cách tính TP tại phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: 7.2 kg/t</p> <p>Áp dụng: Ao nuôi</p>	<p>Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 3.1.3 và 3.1.4 – Lấy mẫu và phân tích lượng TP và TN xả thải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm</p> <p>Tính nồng độ phosphorus tổng số (TP) trong mẫu nước bằng cách: Kejdahl và Indo-phenol Blue.</p> <p>Tính nồng độ phosphorus tổng số (TP) trong mẫu nước bằng cách tương tự: Kejdahl và Ascorbic acid.</p> <p>Việc tính toán phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hoàn toàn độc lập và đạt chuẩn ISO 17025 để phân tích các xét nghiệm này.</p> <p>Trại nuôi sẽ đo lượng TP và TN xả thải của tối thiểu một ao nuôi trong quá trình nuôi; ít nhất một trong số các ao trên phải được lựa chọn ngẫu nhiên. Trại nuôi phải ghi chép số và cách nhận diện các ao nuôi được chọn trước khi lấy mẫu. Quy trình lấy mẫu được tiến hành như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một lần lấy hai mẫu: một mẫu lấy từ ao (nước ao) và một mẫu lấy từ nguồn nước cấp (nước dẫn vào ao). Hai mẫu này được lấy cùng một ngày. - Tất cả mẫu nước phải được thực hiện theo phương pháp của phòng thí nghiệm hoàn toàn độc lập và đạt chuẩn ISO 17025 và phải hoàn tất tại thời điểm thanh tra. Phòng thí nghiệm sẽ phải xét nghiệm mẫu nước theo phương pháp sau: - Tất cả mẫu nước được lấy vào nửa sau của vụ (tức là hơn 90 ngày kể từ khi thả cá). - Mẫu nước ao phải được lấy tại khoảng giữa độ sâu ao. - Tất cả mẫu nước phải được lấy trước 11 giờ. - Sau 6 tiếng kể từ khi lấy mẫu nước cấp mới lấy mẫu nước ao. <p>Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ lượng TP và TN xả thải được đo trong 6 tháng trở lên.</p> <p>Để chuẩn bị cho lần thanh tra đầu tiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trại nuôi phải thuê phòng thí nghiệm có uy tín đến trại để lấy mẫu. - Nếu mẫu không được lấy đúng cách, trại nuôi phải khắc phục ngay trước khi buổi thanh tra diễn ra. - Trong trường hợp không tuân thủ, trại nuôi phải có mẫu nước được lấy bởi phòng thí nghiệm có uy tín sau khi đã thực hiện các biện pháp khắc phục, để chứng minh tính tuân thủ. - Kết quả xét nghiệm mẫu nước phải được nộp cho thanh tra viên bởi phòng thí nghiệm có uy tín, để chứng minh trại nuôi đã thực hiện các biện pháp khắc phục và trại nuôi giờ đã tuân thủ tiêu chuẩn của ASC. 	

		<p>a. Ghi rõ tên và các chứng nhận/bảng cấp có liên quan của phòng thí nghiệm độc lập được thuê để xét nghiệm chất lượng nước, và cung cấp một bản sao hợp đồng trong đó nêu rõ mẫu nước được lấy và phân tích theo hướng dẫn cách áp dụng chỉ thị 3.1.3.</p> <p>b. Có kết quả từ phòng thí nghiệm về lượng TP có trong mẫu nước ao và mẫu nước cấp.</p> <p>c. Với mỗi ao, xác định tổng trọng lượng cá thương phẩm (từ 2.4.2b), và tổng thể tích nước xả thải (từ 2.4.1) trong suốt chu kỳ nuôi.</p> <p>d. Nhập giá trị có được từ b và c (bên trên) vào công thức tính tổng lượng TP xả thải (phụ lục D, tiêu chuẩn PAD) để tính lượng TP xả thải trên một tấn cá thương phẩm của mỗi ao. Tính tương tự với mỗi ao được lấy mẫu.</p> <p>e. Sử dụng giá trị TP (từ d) cho mỗi ao để tính giá trị trung bình của lượng TP xả thải trên một tấn cá thương phẩm của toàn trại nuôi.</p>	<p>A. Xác nhận phòng thí nghiệm có đủ khả năng để lấy mẫu nước và phân tích mẫu.</p> <p>B. Rà soát kết quả lượng TP do phòng thí nghiệm cung cấp.</p> <p>C. Rà soát tính chính xác của dữ liệu do trại nuôi cung cấp.</p> <p>D. Rà soát cách tính của trại nuôi để xác nhận tính chính xác.</p> <p>E. Rà soát cách trại nuôi tính giá trị TP trung bình để xác nhận tính tuân thủ.</p>
3.1.4	<p>Chỉ thị: Lượng TN thải ra trên một tấn cá thương phẩm (xem phương pháp đo và cách tính TN tại phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: 27.5 kg/t</p> <p>Áp dụng: Ao nuôi</p>	<p>Ghi chú: xem hướng dẫn cách áp dụng chỉ thị 3.1.3</p> <p>a. Ghi rõ tên và các chứng nhận/bảng cấp có liên quan của phòng thí nghiệm độc lập được thuê để xét nghiệm chất lượng nước, và cung cấp một bản sao hợp đồng trong đó nêu rõ mẫu nước được lấy và phân tích theo hướng dẫn cách áp dụng chỉ thị 3.1.3.</p> <p>b. Có kết quả từ phòng thí nghiệm về lượng TN có trong mẫu nước ao và mẫu nước cấp.</p> <p>c. Với mỗi ao, xác định tổng trọng lượng cá thương phẩm (từ 2.4.2c), và tổng thể tích nước xả thải (từ 2.4.1) trong suốt chu kỳ nuôi.</p> <p>d. Nhập giá trị có được từ b và c (bên trên) vào công thức tính tổng lượng TN xả thải (phụ lục D, tiêu chuẩn PAD) để tính lượng TN xả thải trên một tấn cá thương phẩm của mỗi ao. Tính tương tự với mỗi ao được lấy mẫu.</p> <p>e. Sử dụng giá trị TP (từ d) cho mỗi ao để tính giá trị trung bình của lượng TN xả thải trên một tấn cá thương phẩm của toàn trại nuôi.</p>	<p>A. Xác nhận phòng thí nghiệm có đủ khả năng để lấy mẫu nước và phân tích mẫu.</p> <p>B. Rà soát kết quả lượng TN do phòng thí nghiệm cung cấp.</p> <p>C. Rà soát tính chính xác của dữ liệu do trại nuôi cung cấp.</p> <p>D. Rà soát cách tính của trại nuôi để xác nhận tính chính xác.</p> <p>E. Rà soát cách trại nuôi tính giá trị TN trung bình để xác nhận tính tuân thủ.</p>
3.2 Tiêu chí: Đo chất lượng nước ở thủy vực nhận			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
	<p>Chỉ thị: Phần trăm chênh lệch nồng độ oxygen hòa tan trong ngày [22] (DO) ở các thủy vực mà chất dinh dưỡng được đưa vào [23] so với với DO bão hòa tại một nhiệt độ và độ mặn nhất định. Trừ trường hợp ngoại lệ áp dụng với</p>	<p>Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 3.2.1 – Đo phần trăm chênh lệch nồng độ oxygen hòa tan trong ngày</p> <p>Trại nuôi cần phải giám sát phần trăm chênh lệch nồng độ oxygen hòa tan trong ngày tại thủy vực nhận. Nồng độ oxygen hòa tan (DO) được so với với DO bão hòa tại một nhiệt độ, độ mặn và độ cao nhất định. DO được đo bằng máy đo oxygen cầm tay hoặc bằng một phương pháp (hóa học) chính xác hơn, tính chính xác của phương pháp cần được chứng minh qua các tài liệu đã được bình duyệt. Đo DO tại thủy vực nhận đầu tiên và càng gần điểm xả thải càng tốt nhưng không quá 200m so với điểm xả thải. Ngoài ra, trại nuôi cần tuân thủ quy trình sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - DO được đo hai tuần một lần. - Vào mỗi ngày lấy mẫu, DO được đo hai lần: một lần vào 1 tiếng trước khi mặt trời mọc và một lần vào 2 tiếng trước khi mặt trời lặn (+/- 30 phút). - DO được đo tại điểm cách mặt nước 0.3m. - Nhiệt độ và độ mặn nước phải được ghi nhận tại cùng thời điểm DO được đo. <p>Ghi chú 1: Điều kiện miễn trừ cho chỉ thị 3.2.1 được áp dụng với các trại nuôi có nước “sạch hơn” (tức là nước thải có giá trị TP và TN thấp hơn giá trị TP và TN của nước cấp). Miễn trừ vẫn được áp dụng bất kể nước cấp có đang bị phú dưỡng hay không. Xem chỉ thị 3.3.1 và 3.3.2 để biết thêm thông tin chi tiết về cách đo sự khác nhau về lượng TP và TN giữa nước vào và nước ra.</p>	

3.2.1	<p>đều tại một nhiệt độ và độ mặn nhất định. Trường hợp ngược lại áp dụng với các ao nuôi xả nước thải có nồng độ TN và TP thấp hơn nồng độ TN và TP trong nguồn nước cấp (xem phương pháp đo DO tại Phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: ≤65%</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Có đo DO.</p> <p>b. Thường xuyên hiệu chỉnh tất cả thiết bị và bằng phương pháp được khuyến nghị bởi nhà sản xuất. Nhiệt độ, độ mặn và độ cao được điều chỉnh cho hiệu chuẩn hay để tính toán.</p> <p>c. Tính phần trăm chênh lệch DO vào các ngày giám sát và sử dụng công thức tại phụ lục D.</p> <p>d. Sử dụng kết quả từ 3.2.1c để tính phần trăm chênh lệch DO trung bình cho toàn giai đoạn 12 tháng. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ giá trị DO được đo trong 6 tháng trở lên.</p> <p>e. Sắp xếp công việc để đo DO khi thanh tra viên đến xem xét trại nuôi.</p>	<p>A. Rà soát bộ dữ liệu để xác nhận trại nuôi có giám sát giá trị DO trong khoảng thời gian quy định.</p> <p>B. Xác minh các kỹ thuật viên của trại nuôi có hiệu chuẩn thiết bị như được yêu cầu.</p> <p>C. Rà soát cách tính để xác nhận tính chính xác.</p> <p>D. Xác nhận phần trăm chênh lệch DO có giá trị trung bình ≤ 65%.</p> <p>E. Quan sát cách trại nuôi đo DO để xác nhận trại nuôi có tuân thủ quy trình. Giá trị được đo tại thời điểm thanh tra phải nằm trong khoảng giá trị DO được đo bởi trại nuôi. Nếu nằm ngoài khoảng giá trị này, thanh tra viên ghi nhận "không phù hợp".</p>
Footnote	[22] DO là mật độ oxygen hòa tan trong nước, tính bằng mg/l hay tính theo phần trăm bão hòa, bão hòa là tình trạng mà tại một độ cao và nhiệt độ nhất định, về mặt lý thuyết nước không thể hòa tan thêm oxygen (biology-online.org).		
Footnote	[23] “Thủy vực nhận” là thủy vực đầu tiên nhận chất thải từ trại nuôi và không thuộc về trại nuôi.		
3.3 Tiêu chí: Đo chất lượng nước thải ao nuôi [24]			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
Footnote	[24] Tiêu chí này không bao gồm hệ thống nuôi trồng là lồng nuôi hay dăng, quầng		
3.3.1	<p>Chỉ thị: Giá trị tối đa về phần trăm chênh lệch nồng độ TP giữa nước vào và nước ra (xem phương pháp đo nồng độ TP và công thức tính hàm lượng TP thải ra tại phụ lục D)</p> <p>Yêu cầu: 100%</p> <p>Áp dụng: Ao nuôi</p>	<p>Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 3.3.1 và 3.3.2 – Đo phần trăm chênh lệch hàm lượng TP và TN giữa nước vào và nước ra</p> <p>Tính nồng độ phosphorus tổng số (TP) trong mẫu nước bằng cách: Kejl Dahl và Indo-phenol Blue.</p> <p>Tính nồng độ nitrogen tổng số (TN) trong mẫu nước bằng cách tương tự: Kejl Dahl và Ascorbic acid.</p> <p>Việc tính toán phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hoàn toàn độc lập và đạt chuẩn ISO 17025 để phân tích các xét nghiệm này. Kết quả phòng thí nghiệm phải được đính kèm giấy xác nhận, trong đó nêu rõ cách thực hiện tuân thủ phương pháp mà tiêu chuẩn PAD và Hướng dẫn thanh tra đề ra.</p> <p>Trại nuôi chỉ đo phần trăm chênh lệch TP và TN từ số ít các ao nuôi trong quá trình nuôi: 15% tổng số ao nuôi của trại (giá trị được làm tròn đến số nguyên gần nhất). Ít nhất một trong số các ao trên phải được lựa chọn ngẫu nhiên. Trại nuôi phải ghi chép số và cách nhận diện các ao nuôi được chọn trước khi lấy mẫu. Quy trình lấy mẫu được tiến hành như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu được lấy bởi cán bộ của phòng thí nghiệm độc lập và có uy tín. - Mẫu phải được lấy ở cả “nước vào” và “nước ra” (nước vào là nước trong kênh đi vào, càng gần trại nuôi hay ao nuôi được chứng nhận thì càng tốt; nước ra là nước được thải ra, không phải nước ở thủy vực nhận; với trại nuôi có sử dụng hệ thống xử lý nước thải, nước ra có thể là nước ở phần cuối cùng của hệ thống trước khi nước được xả ra ngoài); - Mẫu nước vào và nước ra phải được lấy ở nửa sau chu kỳ nuôi (tức là sau 90 ngày kể từ khi thả cá); - Với mỗi ngày lấy mẫu, ít nhất phải có hai mẫu được lấy ở nước ra và mỗi mẫu được lấy cách nhau 1 tiếng (sử dụng giá trị trung bình được tính bên dưới); và - Trại nuôi ít nhất phải lấy mẫu mỗi năm một ao. <p>Phần trăm chênh lệch nồng độ TP = (nồng độ TP nước ra) – (nồng độ TP nước vào) / (nồng độ TP nước vào) x 100</p> <p>Phần trăm chênh lệch nồng độ TN = (nồng độ TN nước ra) – (nồng độ TN nước vào) / (nồng độ TN nước vào) x 100</p> <p>Nếu có nhiều hơn một ao được lấy mẫu, xác định “giá trị trung bình toàn trại nuôi” bằng cách tính trung bình giá trị phần trăm chênh lệch của tất cả ao nuôi lấy mẫu.</p> <p>Với lần thanh tra đầu tiên, hồ sơ trại nuôi phải lưu phần trăm chênh lệch nồng độ TP và TN được đo trong 6 tháng trở lên.</p>	<p>a. Có kết quả đo TP trong mẫu nước vào và nước ra của phòng thí nghiệm.</p> <p>A. Rà soát kết quả đo TP của phòng thí nghiệm.</p>

		b. Với mỗi ao, tính phần trăm chênh lệch nồng độ TP giữa nước vào và nước ra vào mỗi ngày lấy mẫu và sử dụng công thức được đề cập ở trên.	B. Rà soát cách tính để xác nhận tính chính xác.
		c. Sử dụng kết quả 3.3.1b để tính giá trị trung bình phần trăm chênh lệch nồng độ TP của toàn giai đoạn giám sát.	C. Các nhận phần trăm chênh lệch có giá trị trung bình $\leq 100\%$. Nếu có một giá trị nào nằm ngoài giới hạn được nêu, thanh tra viên ghi nhận là "không phù hợp".
		d. Cung cấp bằng chứng cán bộ phòng thí nghiệm lấy mẫu nước thải để tính TP và TN ngay tại trại nuôi.	D. Rà soát các bằng chứng về việc lấy mẫu tại trại nuôi để xác nhận trại nuôi có tuân thủ quy trình.
3.3.2	Chỉ thị: Giá trị tối đa về phần trăm chênh lệch nồng độ TN giữa nước vào [25] và nước ra [26] (xem phương pháp đo nồng độ TN và công thức tính nồng độ TN thải ra tại phụ lục D) Yêu cầu: 70% Áp dụng: Ao nuôi	Ghi chú: xem hướng dẫn cách áp dụng chỉ thị 3.3.1	
		a. Có kết quả đo TN trong mẫu nước vào và nước ra của phòng thí nghiệm.	A. Rà soát kết quả đo TN của phòng thí nghiệm.
		b. Với mỗi ao, tính phần trăm chênh lệch nồng độ TN giữa nước vào và nước ra vào mỗi ngày lấy mẫu và sử dụng công thức được đề cập ở trên.	B. Rà soát cách tính để xác nhận tính chính xác.
		c. Sử dụng kết quả 3.3.2b để tính giá trị trung bình phần trăm chênh lệch nồng độ TP của toàn giai đoạn giám sát.	C. Các nhận phần trăm chênh lệch có giá trị trung bình $\leq 100\%$. Nếu có một giá trị nào nằm ngoài giới hạn được nêu, thanh tra viên ghi nhận là "không phù hợp".
		d. Cung cấp bằng chứng cán bộ phòng thí nghiệm lấy mẫu nước thải để tính TP và TN ngay tại trại nuôi.	D. Rà soát các bằng chứng về việc lấy mẫu tại trại nuôi để xác nhận trại nuôi có tuân thủ quy trình.
Footnote	[25] Nước vào: là nước trong kênh đi vào, càng gần trại nuôi hay ao nuôi được chứng nhận thì càng tốt		
Footnote	[26] Nước ra: là nước mà trại nuôi thải ra, không phải nước của thủy vực nhận		
3.3.3	Chỉ thị: Nồng độ oxygen hòa tan (DO) tối thiểu trong nước thải (xem phương pháp đo DO tại phụ lục D) Yêu cầu: 3 mg/l Áp dụng: Ao nuôi	Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 3.3.3 – Đo DO trong nước thải Xem chỉ thị 3.2.1 mô tả chung về thiết bị và phương pháp sử dụng khi đo nồng độ oxygen hòa tan (DO). Đo DO nước ra tại điểm nước được xả ra ngoài (tức là đo DO của nước mà trại nuôi thải ra, không phải nước của thủy vực nhận; với trại nuôi có sử dụng hệ thống xử lý nước thải, nước ra có thể là nước ở phần cuối cùng của hệ thống trước khi nước được xả ra ngoài). Đo DO ít nhất mỗi tuần một lần.	
		a. Cung cấp hồ sơ đo DO trong nước thải ra ngoài môi trường tự nhiên. Với lần thanh tra đầu tiên, hồ sơ trại nuôi phải lưu giá trị DO được đo trong 6 tháng trở lên.	A. Rà soát bộ dữ liệu để xác nhận trại nuôi có giám sát giá trị DO trong khoảng thời gian quy định.
		b. Sử dụng tất cả giá trị DO được đo hàng tuần để tính giá trị DO trung bình của toàn giai đoạn giám sát. Với lần thanh tra đầu tiên, hồ sơ trại nuôi phải lưu giá trị DO được đo trong 3 tháng trở lên.	B. Xác nhận nồng độ DO trong nước thải ≥ 3 mg/l. Nếu có một giá trị nào nằm ngoài giới hạn được nêu, thanh tra viên ghi nhận là "không phù hợp".
		c. Sắp xếp công việc để thanh tra viên có thể theo dõi cách trại nuôi hiệu chuẩn thiết bị và đo DO khi thanh tra viên đến xem xét trại nuôi.	C. Khi đến xem xét trại nuôi, quan sát cách trại nuôi hiệu chuẩn thiết bị và đo DO (hoặc lấy mẫu để phân tích hóa học), để xác nhận tính tuân thủ.
3.4 Tiêu chí: Thải bùn đáy, áp dụng cho ao nuôi và đấng, quầng, không áp dụng cho lồng nuôi [27]			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
Footnote	[27] Đối với các lồng nuôi, không có các yêu cầu giám sát hệ sinh vật tầng đáy, vì lồng nuôi chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong nuôi trồng cá tra. Quy định này có thể được sửa đổi nếu số lượng lồng nuôi tăng lên một cách đáng kể.		
		a. Có kế hoạch chi tiết cách quản lý bùn đáy (xem thêm chỉ thị 3.5.1). Kế hoạch phải đảm bảo bùn đáy, dù ở bất kỳ hình dạng nào, đều không được xả thải trực tiếp vào thủy vực nhận hoặc hệ sinh thái tự nhiên.	A. Rà soát kế hoạch quản lý bùn đáy của trại nuôi.

3.4.1	Chỉ thị: Có bằng chứng cho thấy bùn đáy không được thải trực tiếp vào thủy vực nhận hoặc hệ sinh thái tự nhiên [28] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	b. Lưu hồ sơ về việc xả thải bùn đáy, trong đó nêu rõ thể tích hoặc trọng lượng và trạng thái (tươi hay khô) của bùn đáy khi xả. Với lần thanh tra đầu tiên, hồ sơ trại nuôi phải lưu thông tin xả bùn đáy từ 3 tháng trở lên.	B. Rà soát hồ sơ để xác nhận việc xả thải tuân thủ kế hoạch đề ra.
		c. Nếu bùn đáy được vận chuyển khỏi trại nuôi (ví dụ để dùng cho nông nghiệp), có tờ khai của bên công ty thu bùn đáy, trong đó nêu rõ thể tích bùn đáy, ngày vận chuyển, và mục đích sử dụng dự kiến. Bên công ty thu nhận phải cam kết bùn đáy không được thải trực tiếp vào thủy vực nhận hoặc hệ sinh thái tự nhiên.	C. Nếu (c) xảy ra, xác nhận trại nuôi có các bằng chứng cần thiết.
		d. Nếu trại nuôi có sử dụng bể chứa bùn đáy, cung cấp bản đồ chỉ rõ vị trí của bể chứa trong trại nuôi hoặc tài liệu cho thấy trại nuôi có quyền sử dụng bể chứa (giấy xác nhận quyền sở hữu hoặc giấy xác nhận quyền sử dụng từ chủ sở hữu).	D. Nếu (d) xảy ra, kiểm tra bể chứa bùn đáy khi đến xem xét trại nuôi.
		-	E. Trong buổi làm việc với cộng đồng địa phương và người lao động của trại nuôi, xác minh không có bằng chứng cho thấy trại nuôi thải bùn đáy trực tiếp vào thủy vực nhận hoặc hệ sinh thái tự nhiên.
Footnote	[28] “Một hệ sinh thái tự nhiên bao gồm quần xã sinh vật và khu vực sinh sống của quần xã đó”. Đơn giản hơn, một hệ sinh thái bao gồm các thành phần sống và không sống mà giữa chúng có sự tương tác với nhau. Trong các tiêu chuẩn trên, hệ sinh thái tự nhiên bao gồm cả hệ sinh thái trên cạn và dưới nước.		
3.4.2	Chỉ thị: Có bằng chứng cho thấy bùn đáy được lưu chứa trong bể chứa phù hợp (xem công thức tính lưu chứa bùn đáy tại Phụ lục D) Yêu cầu: Có Áp dụng: Trại nuôi có chứa bùn thải trong bể chứa	Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 3.4.2 – Kích thước bể chứa bùn đáy Công thức tính kích thước bể chứa bùn đáy được đề cập tại phụ lục D của tiêu chuẩn PAD. Trại nuôi phải ghi chép cách công thức được áp dụng trong việc tính toán kích thước phù hợp cho bể chứa (thể tích tối thiểu). Trại nuôi có thể ghi rõ cách tính trong kế hoạch quản lý bùn đáy (xem tại 3.4.1a). Tất cả các khu vực có bùn đáy và thể tích bùn đáy đều phải được đưa vào công thức. Với “diện tích ao”, chỉ tính các ao mà bùn đáy phải được thải bỏ trong 2 tháng tới. Ghi chú 1: Nếu công thức tính thể tích bể chứa thu về giá trị âm, thì thể tích bể chứa đã vượt giá trị thể tích tối thiểu (nghĩa là bể chứa có kích thước phù hợp).	
		a. Cung cấp cách tính để chứng minh kích thước bể chứa bùn đáy là phù hợp.	A. Rà soát cách tính để xác minh tính chính xác. Xác nhận tính tuân thủ.
		b. Cung cấp bằng chứng chứng minh trại nuôi có quyền sử dụng bể chứa bùn đáy (xem tại 3.4.1c).	B. Kiểm tra bể chứa bùn đáy khi đến xem xét trại nuôi.
3.5 Tiêu chí: Quản lý chất thải			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
3.5.1	Chỉ thị: Có bằng chứng cho thấy trại nuôi thải chất thải rắn vào môi trường tự nhiên Yêu cầu: Không Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị kế hoạch cách quản lý chất thải rắn của trại nuôi. Kế hoạch phải bao gồm tất cả các loại chất thải của trại nuôi (xem tại 3.4.1, 3.5.2, 3.5.3, và 3.5.4)	A. Rà soát kế hoạch quản lý chất thải rắn của trại nuôi.
		b. Sắp xếp công việc để thanh tra viên có thể kiểm tra hệ thống quản lý chất thải rắn của trại nuôi khi thanh tra viên đến xem xét trại nuôi.	B. Kiểm tra trại nuôi để tìm xem có bằng chứng nào cho thấy trại nuôi xả chất thải rắn (đựng trong bao, thùng chứa) trực tiếp vào môi trường tự nhiên hay không.
			C. Xác nhận trại nuôi có thực hiện kế hoạch quản lý chất thải rắn. Đánh giá liệu xem có rủi ro hay có nguy cơ nào trại nuôi sẽ xả thải hay không.
	Chỉ thị: Có bằng chứng cho thấy trại nuôi thải chất thải rắn của người và động vật vào môi trường tự nhiên	a. Khi thanh tra viên đến xem xét trại nuôi, cung cấp cho thanh tra viên bản mô tả về hệ thống trại nuôi sử dụng để thải bỏ chất thải rắn của người và động vật. Đồng ý để thanh tra viên kiểm tra.	A. Rà soát hệ thống xử lý chất thải rắn của trại nuôi để xem liệu có bằng chứng nào cho thấy trại nuôi xả chất thải rắn của người và động vật vào môi trường tự nhiên hay không.
		b. Với hệ thống tự hoại, cung cấp lịch trình hút hầm cầu và duy trì hệ thống (xem tại 3.5.4c).	B. Xác minh trại nuôi hút hầm cầu và duy trì hệ thống theo lịch trình đề ra.

3.5.2	Yêu cầu: Không Áp dụng: Tất cả	c. Khi thanh tra viên đến xem xét trại nuôi, cung cấp cho thanh tra viên vị trí các nhà vệ sinh tự hoại và lịch trình hút hầm cầu và duy trì hệ thống.	C. Kiểm tra các nhà vệ sinh tự hoại để xác minh không có vết rò rỉ hay đường thải trực tiếp dẫn ra môi trường tự nhiên. Xác minh trại nuôi hút hầm cầu và duy trì hệ thống theo lịch trình đề ra.
		d. Có bằng chứng chứng minh phân động vật được chôn lấp (theo quy định của tiêu chuẩn).	D. Kiểm tra địa điểm chôn để xác minh trại nuôi có chôn phân động vật (theo quy định của tiêu chuẩn).
		e. Nếu được, chỉ rõ vị trí các nhà vệ sinh tự hoại trong hợp đồng thi công.	E. Rà soát hợp đồng thi công (nếu có).
3.5.3	Chỉ thị: Có bằng chứng cho thấy trại nuôi thải chất thải hóa học và thuốc men vào môi trường tự nhiên Yêu cầu: Không Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị kế hoạch quản lý chất thải hóa học và thuốc men.	A. Rà soát kế hoạch quản lý chất thải hóa học và thuốc men của trại nuôi.
		b. Khi thanh tra viên đến xem xét trại nuôi, đồng ý để thanh tra viên kiểm tra cách trại nuôi quản lý chất thải hóa học và thuốc men.	B. Kiểm tra trại nuôi để tìm xem liệu có bằng chứng nào cho thấy trại nuôi xả chất thải hóa học hay thuốc men vào môi trường tự nhiên hay không.
			C. Xác nhận trại nuôi có thực hiện kế hoạch quản lý chất thải. Đánh giá liệu xem có rủi ro hay có nguy cơ nào trại nuôi sẽ xả thải hay không.
3.5.4	Chỉ thị: Có bằng chứng cho thấy cá chết/cá bị bệnh được tiêu hủy đúng cách [30] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	<p>Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 3.5.4 – Chuẩn bị kế hoạch tiêu hủy cá chết/cá bị bệnh</p> <p>Chuẩn bị kế hoạch tiêu hủy cá chết/cá bị bệnh, trong đó nêu rõ trại nuôi áp dụng biện pháp tiêu hủy nào trong số biện pháp sau (một hoặc nhiều biện pháp): đốt (không tính việc cháy thường xuyên, vì không được phép); chôn lấp; lên men và sử dụng làm phân bón; dùng bể tự hoại; dùng để sản xuất bột cá hoặc dầu cá; làm thức ăn cho động vật khác ngoài cá tra (cần có giấy xác nhận của chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh, xem tại nguyên tắc 6); bán.</p> <p>Cá chết không bao giờ được phép sử dụng cho con người tiêu thụ, trừ khi được thực hiện bởi một cơ sở giết mổ và chế biến thích hợp.</p>	
		a. Cung cấp kế hoạch tiêu hủy cá chết/cá bị bệnh cho thanh tra viên.	A. Rà soát kế hoạch của trại nuôi để xác minh trại nuôi có tuân thủ chỉ thị 3.5.4.
		b. <u>Nếu trại nuôi áp dụng biện pháp chôn lấp, đốt và lên men:</u> kế hoạch chỉ rõ quy trình, vị trí và thùng chứa.	B. Xác minh bằng cách kiểm tra (nếu mục này được áp dụng).
		c. <u>Nếu trại nuôi dùng bể tự hoại:</u> Kế hoạch ghi rõ quy trình tiêu hủy cá trong bể tự hoại, lịch trình làm sạch bể, và người thực hiện (trại nuôi có thể thuê đơn vị khác làm sạch bể).	C. Xác minh bằng cách rà soát tài liệu (nếu mục này được áp dụng).
		d. <u>Nếu trại nuôi dùng cá chết/cá bị bệnh để sản xuất bột cá hoặc dầu cá:</u> ghi rõ trong bản kế hoạch (nếu do trại nuôi sản xuất). Cần lưu ý cách này chỉ được áp dụng khi chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh xác nhận không có nguy cơ về thuốc trừ sâu.	D. Xác minh bằng cách kiểm tra (nếu mục này được áp dụng).
		e. <u>Nếu trại nuôi dùng làm thức ăn cho động vật khác ngoài cá tra (không tính bột cá và dầu cá đề cập ở mục d):</u> Cách này chỉ được áp dụng khi chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh xác nhận tỷ lệ tử vong không phải do tác nhân lây nhiễm hay do thuốc trừ sâu/chất ô nhiễm hóa học gây ra.	E. Xác minh trại nuôi có giấy xác nhận của chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh (nếu mục này được áp dụng).
		f. <u>Nếu trại nuôi bán cá chết/cá bị bệnh:</u> ghi rõ trong kế hoạch các tùy chọn bán hàng. Với mọi tùy chọn, trại nuôi phải chuẩn bị bản hợp đồng trong đó nêu rõ người mua dùng cá chết với mục đích gì. Nếu người mua định dùng cá chết làm thức ăn chăn nuôi (dù là trực tiếp hay để sản xuất bột cá/dầu cá), bản hợp đồng và giấy xác nhận của chuyên gia phải chứng minh người mua tuân thủ tiêu chuẩn.	F. Xác minh bằng cách rà soát tài liệu (nếu mục này được áp dụng).

			G. Xác nhận trại nuôi thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả. Bằng chứng phải bao gồm lời kể của người lao động làm việc trong trại nuôi, họ sẽ xác nhận trại nuôi tiêu hủy cá chết/cá bị bệnh đúng theo kế hoạch đề ra.
--	--	--	--

Footnote [30] Tiêu hủy cá chết đúng cách bao gồm đốt, chôn, lên men, dùng làm phân bón hay dùng làm thức ăn cho cá và dầu cá. Không được phép dùng cá chết để làm sản phẩm cho con người tiêu thụ. Nếu có một bằng chứng đủ mạnh để chứng minh cá chết không phải do tác nhân lây nhiễm hay do chất ô nhiễm hóa học/thuốc trừ sâu, thì cá chết có thể được dùng làm thức ăn cho các động vật khác ngoài cá tra. Nguyên nhân gây chết cá phải được cung cấp bởi các chuyên gia về động vật thủy sinh (xem nguyên tắc 6).

3.6 Tiêu chí: Tiêu thụ năng lượng

		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
3.6.1	Chỉ thị: Có bản đánh giá về mức tiêu thụ năng lượng của trại nuôi, tính bằng kilojoule/tấn cá/năm Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Lưu hồ sơ thường niên về mức năng lượng tiêu thụ của trại nuôi và chia ra theo nguồn (nhiên liệu, điện)	A. Xác minh trại nuôi có lưu hồ sơ về mức năng lượng tiêu thụ.
		b. Tính tổng năng lượng tiêu thụ của trại nuôi hàng năm (đơn vị kilojoule)	B. Rà soát cách tính của trại nuôi để xác nhận trại nuôi tính đúng và đủ.
		c. Tính tổng trọng lượng cá thương phẩm sản xuất hàng năm (đơn vị tấn).	C. Xác nhận trại nuôi tính đúng tổng trọng lượng cá thu hoạch mỗi chu kỳ nuôi. Kiểm tra chéo với các dữ liệu khác của trại nuôi (như số cá thu hoạch, số cá xống thoát, số cá chết).
		d. Từ kết quả 3.6.1b và 3.6.1c, tính mức tiêu thụ năng lượng của trại nuôi, đơn vị kilojoule/tấn cá/năm.	D. Rà soát cách tính của trại nuôi để xác nhận trại nuôi tính đúng và đủ.

NGUYÊN TẮC 4. BẢO TỒN TÍNH ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA LOÀI VÀ QUẦN THỂ CÁ TRA BẢN ĐỊA

4.1 Tiêu chí: Cá tra hiện hữu trong hệ thống thoát nước

		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
4.1.1	Chỉ thị: Trại nuôi được đặt tại lưu vực sông nơi mà loài nuôi là loài bản địa hoặc có nguồn cá tự tái tạo [32] - nguồn này được hình thành trước tháng 1 năm 2005 Yêu cầu: Có Áp dụng: Trại nuôi được đặt tại lưu vực sông mà loài nuôi là loài bản địa hoặc có nguồn cá tự tái tạo	Ghi chú: Nếu loài nuôi không phải là loài bản địa của lưu vực sông và loài không phải tự tái tạo, chỉ thị 4.1.1 sẽ không được áp dụng. Ghi chú "không áp dụng" tại mục này và tiếp tục đánh giá tính tuân thủ của trại nuôi với chỉ thị 4.1.3.	
		a. Có tờ khai của trại nuôi và nhà cung cấp giống, trong đó nêu rõ tên loài cá tra nuôi. Lưu giữ hồ sơ các lần mua giống.	A. Rà soát tờ khai. Xác nhận loài nuôi được miêu tả chính xác trong hồ sơ mua hàng.
		b. Cung cấp bản đồ lưu vực sông, trong đó chỉ rõ vị trí của trại nuôi (xem tại 2.1.1).	B. Rà soát bản đồ để xác nhận vị trí của trại nuôi tại lưu vực sông.
		c. Nếu loài nuôi là loài bản địa tại lưu vực sông, cung cấp bằng chứng chứng minh (các bài báo đã được bình duyệt, các tài liệu của IUCN, FAO và các tổ chức quốc tế khác).	C. Xác nhận tài liệu chứng minh được loài nuôi là loài bản địa.
		d. Nếu loài nuôi không phải là loài bản địa, nhưng nguồn cá tự tái tạo đã được hình thành tại lưu vực sông, cung cấp bằng chứng chứng minh (các bài báo đã được bình duyệt, tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay các tài liệu tham khảo khác về tần suất xảy ra ở các giai đoạn tuổi khác nhau, tại các thời điểm và nơi chốn khác nhau), trong đó nêu rõ nguồn cá tự tái tạo đã được hình thành trước 1/1/2015	D. Xác nhận tài liệu chứng minh nguồn cá tự tái tạo đã được hình thành tại lưu vực sông trước 1/1/2015
		E. Xác minh bằng cách quan sát trực tiếp loài nuôi khi đến xem xét trại nuôi.	
	Chỉ thị: Nếu trại nuôi có nguồn cá tự tái tạo, cần có bằng chứng chứng minh nguồn cá này không gây hại đến môi trường [33]	a. Cung cấp bằng chứng chứng minh: các bài báo đã được bình duyệt, tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay các tài liệu tham khảo khác, trong đó nêu rõ trại nuôi không gây hại đến môi trường	

4.1.2	<p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Trại nuôi được đặt tại lưu vực sông mà loài nuôi không phải là loài bản địa và có nguồn cá tự tái tạo</p>	<p>Các tác động gây ra bởi nguồn cá tự tái tạo bao gồm nhưng không giới hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - biến đổi đa dạng di truyền của loài cá bản địa qua tạp giao - cạnh tranh (chiếm chỗ các loài địa phương) - phá hủy môi trường sống 	<p>A. Rà soát bằng chứng. Nếu nguồn cá tự tái tạo chưa được hình thành hoặc loài nuôi là loài bản địa, không áp dụng chỉ thị 4.1.2.</p>
Footnote	<p>[32] Tự tái tạo là tái sản xuất trong tự nhiên. Cần cung cấp các bài nghiên cứu đã được bình duyệt, các tuyên bố của cơ quan chính phủ (có thẩm quyền) hay các tài liệu tham khảo khác về tần suất xảy ra ở các giai đoạn tuổi khác nhau, tại các thời điểm và nơi chốn khác nhau để làm bằng chứng.</p>		
Footnote	<p>[33] Cần cung cấp các bài nghiên cứu đã được bình duyệt, các tuyên bố của cơ quan chính phủ (có thẩm quyền) hay các tài liệu tham khảo khác để làm bằng chứng.</p>		
4.1.3	<p>Chỉ thị: Nếu loài nuôi không phải là loài bản địa hay trại nuôi không có nguồn cá tự tái tạo, cần có bằng chứng cho thấy các loài được nuôi không thể tự hình thành ở lưu vực sông [34]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Trại nuôi được đặt tại lưu vực sông mà loài nuôi không phải là loài bản địa và không có nguồn cá tự tái tạo</p>	<p>a. Cung cấp các bài báo đã được bình duyệt có sử dụng dữ liệu được thu thập tại hiện trường. Các phân tích lý thuyết không được chấp nhận.</p>	<p>A. Rà soát bằng chứng do trại nuôi cung cấp để xác nhận loài nuôi không thể tự hình thành ở lưu vực sông.</p>
Footnote	<p>[34] Cần cung cấp các bài nghiên cứu đã được bình duyệt và đã được công bố trên các tạp chí có uy tín để chứng minh loài không thể tự hình thành.</p>		
<p>4.2 Tiêu chí: Đa dạng di truyền</p>			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
4.2.1	<p>Chỉ thị: Chứng minh được [35] nguồn giống [36] được tái sản xuất từ quần thể cá tra có khả năng sinh sản tự nhiên trong lưu vực sông [37]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Trại nuôi được đặt tại lưu vực sông mà loài nuôi là loài bản địa hoặc có nguồn cá tự tái tạo</p>	<p>a. Cung cấp bằng chứng cho một trong hai trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - loài nuôi là loài bản địa tại lưu vực sông (từ 4.1.1); hoặc - có nguồn cá tự tái tạo được hình thành ở lưu vực sông (từ 4.1.2). <p>b. Cung cấp bản đồ lưu vực sông, trong đó chỉ rõ vị trí của trại nuôi (xem tại 2.1.1).</p> <p>c. Có tờ khai của nhà cung cấp giống, trong đó nêu rõ cá giống được sinh sản từ cá bố mẹ (broodstock - cá trưởng thành được dùng cho mục đích sinh sản, nhân giống) (dù đã qua nhiều thế hệ sinh sản trong điều kiện nuôi nhốt) mà cá bố mẹ này được lấy từ quần thể cá tra có khả năng sinh sản tự nhiên tại lưu vực sông.</p> <p>d. Với tất cả các đơn mua giống, lưu giữ đầy đủ hồ sơ (biên lai) để xác định cá bố mẹ đến từ lưu vực sông nào. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ mua hàng từ 6 tháng trở lên.</p>	<p>A. Rà soát bằng chứng để xác nhận loài nuôi là loài bản địa hoặc nguồn cá tự tái tạo đã được hình thành tại đây.</p> <p>B. Rà soát bản đồ để xác nhận vị trí của trại nuôi khớp với vị trí của quần thể bản địa hoặc nguồn cá tự tái tạo đã được hình thành ở lưu vực sông.</p> <p>C. Rà soát tờ khai. Xác nhận nguồn giống được mô tả chính xác trong hồ sơ mua hàng.</p> <p>D. Xác minh nguồn giống tuân thủ yêu cầu.</p>
Footnote	<p>[35] Cần có bản đồ chi tiết về quần thể cá tra, trong đó chỉ rõ phạm vi loài cũng như từng nguồn giống riêng biệt</p>		
Footnote	<p>[36] Trong suốt tiêu chuẩn, từ “giống” chỉ đề cập đến giống cá tra</p>		
Footnote	<p>[37] Tiêu chuẩn này được áp dụng cho tất cả các trại nuôi sử dụng cá giống hoặc từ quần thể bản địa hoặc từ quần thể tự tái tạo được hình thành trước tháng 1 năm 2005</p>		
<p>4.3 Tiêu chí: Nguồn giống</p>			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
	<p>Chỉ thị: Cho phép sử dụng con giống đánh bắt ngoài tự nhiên để nuôi</p>	<p>a. Cung cấp tờ khai, trong đó nêu rõ trại nuôi không sử dụng giống đánh bắt ngoài tự nhiên để nuôi thương phẩm.</p>	<p>A. Xác minh tờ khai của trại nuôi về việc không sử dụng giống đánh bắt ngoài tự nhiên để nuôi thương phẩm.</p>

4.3.1	thương phẩm		
	Yêu cầu: Không	b. Có giấy xác nhận của nhà cung cấp giống, trong đó nêu rõ họ không cung cấp giống đánh bắt ngoài tự nhiên (giống đến từ cá bố mẹ sinh sản trong điều kiện nuôi nhốt).	B. Xác minh trại nuôi có giấy xác nhận của nhà cung cấp.
	Áp dụng: Tất cả	c. Lưu biên nhận giống của tất cả đợt thả cá. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	C. Xác minh trại nuôi cơ lưu chính xác hồ sơ về nguồn giống.
4.4 Tiêu chí: Giống biến đổi gen và giống lai			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
Ghi chú: Giống biến đổi gen: Sinh vật, ngoài trừ con người, có vật liệu di truyền bị thay đổi theo cách không xảy ra trong tự nhiên qua giao phối và/hoặc tái tổ hợp tự nhiên. Nguồn EFSA.			
4.4.1	Chỉ thị: Không sử dụng giống biến đổi gen hoặc giống lai	a. Cung cấp tờ khai, trong đó nêu rõ trại nuôi không sử dụng giống biến đổi gen hoặc giống lai.	A. Xác minh tờ khai của trại nuôi về việc không sử dụng giống biến đổi gen hoặc giống lai.
	Yêu cầu: Có	b. Có giấy xác nhận của nhà cung cấp giống, trong đó nêu rõ họ không sử dụng giống biến đổi gen hoặc giống lai. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	B. Xác minh trại nuôi có lưu giấy xác nhận của nhà cung cấp.
	Áp dụng: Tất cả		
4.5 Criterion: Escapees.			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
4.5.1	Chỉ thị: Có bằng chứng chứng minh nguồn nước vào và nước ra của hệ thống nuôi và tất cả thiết bị nuôi nhốt đều được trang bị mắt lưới hoặc vây có kích thước phù hợp để giữ được đàn cá trong trại nuôi, tránh việc xổng thoát cá (khỏi nơi nuôi nhốt) bất kể kích cỡ của cá	a. Cung cấp hồ sơ trại nuôi, trong đó nêu rõ kích thước cá (trọng lượng cá trung bình hàng tháng). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	A. Rà soát hồ sơ về kích thước cá của mỗi đơn vị nuôi.
		b. Lưu giữ hồ sơ, trong đó nêu rõ kích thước mắt lưới hoặc vây của toàn trại. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	B. Rà soát hồ sơ với kích thước mắt lưới hoặc vây.
			C. Khi đến xem xét trại nuôi, kiểm tra kích thước mắt lưới hoặc vây để xác nhận tính tuân thủ.
4.5.2	Chỉ thị: Có bằng chứng cho thấy việc kiểm tra được thực hiện thường xuyên và kịp thời (ít nhất mỗi ngày một lần); sửa chữa mắt lưới hoặc vây và việc này được lưu hồ sơ thường xuyên (sẵn sàng để thanh tra)	a. Cung cấp hồ sơ trại nuôi, trong đó nêu rõ các đợt kiểm tra hàng ngày mắt lưới hoặc vây dùng trong các đơn vị thương phẩm.	A. Rà soát hồ sơ để xác nhận trại nuôi có kiểm tra mắt lưới hoặc vây thường xuyên và kịp thời.
		b. Lưu giữ hồ sơ về các hoạt động khắc phục và sửa chữa trong sổ đăng ký vĩnh viễn. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	B. Rà soát sổ đăng ký để xác minh trại nuôi có sửa chữa mắt lưới hoặc vây và có lưu lại các hoạt động sửa chữa.
		c. Sắp xếp công việc để khi thanh tra viên đến xem xét trại nuôi, thanh tra viên có thể quan sát cách trại nuôi kiểm tra mắt lưới hoặc vây.	C. Chứng kiến cách trại nuôi kiểm tra mắt lưới và vây để xác minh chương trình là có hiệu quả.
4.5.3	Chỉ thị: Bờ bao [38] đủ cao [39] để ngăn nước không tràn ra vào mùa mưa khi lũ dâng, kéo theo cá xổng thoát	a. Có hồ sơ chính thức hoặc giấy xác nhận, trong đó nêu rõ mực nước cao tối đa (mực sông, mực triều, mực lũ, v.v) trong 10 năm qua.	A. Rà soát hồ sơ lưu dữ liệu 10 năm hoặc giấy xác nhận để tính mực nước cao tối đa khi lũ đến.
		b. Có giấy xác nhận của chính quyền địa phương hoặc của một tổ chức có uy tín, trong đó nêu rõ độ cao của bờ bao (m tính từ mặt nước biển) tính từ điểm thấp nhất của bờ bao (xem tại 2.1.1).	B. Rà soát giấy xác nhận và bản đồ. Khi đến xem xét trại nuôi, kiểm tra trại để xác minh bờ bao đủ cao để ngăn nước không tràn ra khi lũ đến. Ghi chú: đê, bờ, bao đều mang nghĩa giống nhau trong tiêu chí này.
		c. Có giấy xác nhận, trong đó nêu rõ không có sự cố nước tràn hoặc cá xổng thoát nghiêm trọng nào xảy ra do lũ dâng trong 12 tháng qua.	C. Trong buổi làm việc với cộng đồng địa phương và người lao động làm việc trong trại, xác minh không có bằng chứng cho thấy có sự cố tràn nước hoặc cá xổng thoát nghiêm trọng xảy ra trong 12 tháng ra.
Footnote	[38] Bờ bao: bờ giữ nước trong ao		

Footnote	[39] Xét mực nước cao nhất trong 10 năm (tính cả khi có bão)		
4.5.4	Chỉ thị: Có đặt bẫy [40] tại các kênh dẫn/thải nước hoặc ở các cống thoát nước để bắt lại các con xống thoát; lưu hồ sơ về việc phát hiện và hành động đi kèm (sẵn sàng để thanh tra) Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Xác định số lượng và vị trí của mọi thiết bị bẫy. "Bẫy" ở đây không tính mắt lưới và vây (xem tại 4.5.1)	A. Rà soát cách trại nuôi đặt bẫy để theo dõi cá xống thoát. Xác minh bẫy không gây hại hay làm tổn thương sức khỏe của cá (ví dụ lưới rê).
		b. Lưu hồ sơ về các đợt kiểm tra bẫy (nên kiểm tra thường xuyên, ít nhất là hàng tuần) và về các đợt xống thoát quan sát thấy.	B. Rà soát hồ sơ về các đợt kiểm tra và về các đợt xống thoát.
		c. Nếu phát hiện có cá xống thoát, lưu hồ sơ về các biện pháp khắc phục đã triển khai để hạn chế hoặc ngăn cá xống thoát. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	C. Rà soát để xem liệu các biện pháp được áp dụng mà trại nuôi thực hiện để ngăn cá xống thoát có phù hợp hay không.
			D. Khi đến xem xét trại nuôi, kiểm tra để xác minh bẫy có kết cấu hợp lý và được đặt tại các điểm thích hợp, để đảm bảo ngăn được cá ở toàn trại nuôi.

Footnote [40] Những thiết bị này sẽ không gây hại hay làm tổn thương sức khỏe của cá (vd: lưới rê)

4.6 Tiêu chí: Bảo dưỡng ao nuôi

		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
4.6.1	Chỉ thị: Có bằng chứng chứng minh bờ bao được giữ nguyên vẹn [41] trong suốt một chu kỳ nuôi Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị quy trình về việc giám sát và sửa chữa bờ bao bị hư hỏng.	A. Rà soát quy trình giám sát và sửa chữa bờ bao của trại nuôi.
		b. Lưu hồ sơ về các đợt giám sát và sửa chữa bờ bao, trong đó nêu rõ ngày phát hiện ra sự cố, thời điểm trại nuôi bắt đầu và kết thúc việc sửa chữa.	B. Rà soát hồ sơ để xác minh bờ bao được giữ nguyên vẹn trong 12 tháng qua. Nếu bờ bao có dấu hiệu bị hư hỏng, rà soát bằng chứng bờ bao đã được sửa chữa ngay khi có thể.
		c. Khi thanh tra viên đến xem xét trại nuôi, sắp xếp công việc để thanh tra viên có thể kiểm tra bờ bao của trại.	C. Kiểm tra bờ bao để xác nhận tính tuân thủ. Kiểm tra xem có dấu hiệu bờ bao sắp bị đổ hay không và ghi chú các bằng chứng sửa chữa.
			D. Trong buổi làm việc với cộng đồng địa phương và người lao động làm việc trong trại, xác minh bờ bao được giữ nguyên vẹn trong suốt chu kỳ nuôi.

Footnote [41] Tức là không bị hư hỏng đến mức mà một phần hoặc toàn bộ số cá nuôi có thể xống thoát

4.6.2	Chỉ thị: Có bằng chứng chứng minh không có việc thả cá là có chủ đích [42] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị tờ khai, trong đó nêu rõ trại nuôi không có ý định thả cá trong 12 tháng cá.	A. Rà soát tờ khai để xác nhận tính tuân thủ.
		b. Lưu giữ hồ sơ và biên nhận để chứng minh tất cả cá được thả đã được thu hoạch và đem bán (xem tại 2.4.2 và 5.2.1) hoặc được tiêu hủy đúng cách (xem tại 3.5.4). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	B. Rà soát hồ sơ để xác nhận tất cả cá được thả đã được thu hoạch hoặc tiêu hủy.
		c. Chuẩn bị tờ trình, trong đó giải thích lý do ngưng hoạt động nếu thời gian ngưng kéo dài hơn 3 tháng. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	C. Rà soát hồ sơ sản xuất thương niên để xem có sự khác biệt đáng kể nào làm dấy lên nghi vấn người nuôi thả cá có chủ đích hay không.

Footnote [42] Mục đích footnote 42 mà tiêu chuẩn PAD đề cập ở đây nhằm phục vụ cho công tác thanh tra. "Hai vụ nuôi cách nhau quá dài có thể làm dấy lên nghi vấn người nuôi thả cá có chủ đích. Kích thước cá và hồ sơ lưu của các vụ nuôi trước có thể được sử dụng để xác định thời gian giữa các vụ nuôi."

NGUYÊN TẮC 5" SỬ DỤNG THỨC ĂN VÀ KỸ THUẬT CHO ĂN THEO CÁCH ĐẢM BẢO THỨC ĂN ĐỀU VÀO LÀ BỀN VỮNG VÀ ÍT NHẤT

5.1 Tiêu chí: Tính bền vững của các nguyên liệu trong thức ăn

	Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
--	---	--

5.1.1	Chỉ thị: Sử dụng cá chưa được nấu chín hay chưa được chế biến/hoặc sản phẩm làm từ cá [43] (kể cả cá tạp) để làm thức ăn chăn nuôi Yêu cầu: Không Áp dụng: Tất cả	a. Lưu giữ hồ sơ (biên nhận) tất cả các đơn hàng mua thức ăn công nghiệp trong 12 tháng qua. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	A. Rà soát hồ sơ của trại nuôi về thức ăn công nghiệp.
		b. Nếu trại nuôi sử dụng thức ăn tự chế biến, cung cấp bản mô tả thành phần và cách chuẩn bị. Lưu giữ bằng chứng mua hàng (biên nhận) hoặc quyền sở hữu các thành phần trên. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	B. Rà soát thành phần để xác minh trại nuôi không sử dụng cá chưa được nấu chín hay chưa được chế biến/hoặc sản phẩm làm từ cá (kể cả cá tạp) để chế biến thức ăn.
		-	C. Xác minh trại nuôi lưu đầy đủ hồ sơ về các loại thức ăn sử dụng. Không tìm thấy bằng chứng cho thấy có thức ăn không rõ nguồn gốc.
Footnote	[43] Các sản phẩm làm từ cá là tất cả các dạng cá hoặc sản phẩm có nguồn gốc từ cá (ví dụ như cá tươi, cá đông lạnh, cá nghiền, cá khô, bột cá, dầu cá, phụ phẩm từ quá trình chế biến cá)		
5.1.2	Chỉ thị: Sử dụng các phụ phẩm từ quá trình chế biến cá tra [44] để làm thức ăn hoặc làm nguyên liệu cho thức ăn Yêu cầu: Không Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị tờ khai, trong đó nêu rõ các phụ phẩm từ quá trình chế biến cá tra không được sử dụng để làm thức ăn cho cá tra tại bất kỳ thời điểm nào trong 12 tháng qua.	A. Rà soát tờ khai của trại nuôi để xác nhận trại nuôi không sử dụng các phụ phẩm từ quá trình chế biến cá tra để làm thức ăn cho cá tra.
		b. Có tờ khai của tất cả các nhà sản xuất thức ăn mà trại dùng trong 12 tháng qua để chứng minh tính tuân thủ. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên và chỉ thị này chỉ áp dụng với cá được nuôi tại trại.	B. Rà soát tờ khai của nhà sản xuất để xác nhận không có phụ phẩm từ quá trình chế biến cá tra trong thức ăn.
		c. Nếu trại nuôi sử dụng thức ăn tự chế biến trong 12 tháng qua, chuẩn bị tờ khai trong đó nêu rõ không sử dụng phụ phẩm từ quá trình chế biến cá tra để làm thức ăn cho cá. Nếu trại nuôi sử dụng bột cá hoặc dầu cá, có giấy xác nhận từ nhà cung cấp để chứng minh tính tuân thủ. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	C. Rà soát tài liệu của trại nuôi để xác nhận không có phụ phẩm từ quá trình chế biến cá tra được sử dụng trong quá trình chế biến thức ăn (nếu mục này được áp dụng).
Footnote	[44] Các phần thừa, nội tạng, đầu và xương cá còn sót lại sau quá trình chế biến cá – dù là chế biến cá ngoài tự nhiên hay cá nuôi – đều được coi là phụ phẩm từ quá trình chế biến cá. Nhìn chung, các phụ phẩm này sẽ không được tính là “các sản phẩm làm từ cá” khi tính toán lượng thức ăn cho cá, vì điều này giúp khuyến khích người dân sử dụng triệt để cá đánh bắt ngoài tự nhiên. Nhưng việc sử dụng phụ phẩm cá tra làm thức ăn cho cá tra là không được chấp nhận.		
5.1.3	Chỉ thị: Các sản phẩm làm từ cá được dùng làm thức ăn chăn nuôi không đến từ “các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng” [45] có trong sách đỏ của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN) Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 5.1.3 – Xác nhận không có loài thuộc sách đỏ của IUCN trong thức ăn Để phục vụ cho mục đích của chỉ thị này, định nghĩa của ASC về “sản phẩm làm từ cá” bao gồm cả nguồn lợi thủy sản được đánh bắt ngoài tự nhiên, tức là cả vây cá và các loài động vật không xương sống (như tôm, cua, mực). Trại nuôi phải hiểu rõ rằng nếu thức ăn chứa loài nằm trong sách đỏ của IUCN, trại nuôi sẽ được xem không tuân thủ tiêu chuẩn. Yêu cầu này bao gồm cả thức ăn sử dụng phụ phẩm (như các phần thừa) hoặc các sản phẩm nuôi trồng thủy sản đến từ các loài nằm trong sách đỏ. Với mỗi sản phẩm làm từ cá được sử dụng làm thức ăn, xác định liệu loài có nằm trong sách đỏ của IUCN hay không bằng cách: - truy cập http://www.iucnredlist.org/ - trong mục tìm kiếm, gõ tên chi và loài - sau đó chọn “run search” và ghi lại trạng thái của loài. Ghi chú: Sách đỏ của IUCN sử dụng 9 trạng thái để phân định loài theo mức độ nguy hiểm mà chúng hiện đang đối mặt, và do vậy kết quả tìm kiếm có thể hiện ra cả loài không bị đe dọa. Để kiểm tra liệu thức ăn có tuân thủ chỉ thị 5.1.3 hay không, chỉ xét các loài đang ở trạng thái “Sắp nguy cấp”, “Nguy cấp”, “Cực kỳ nguy cấp”. Các loài được phân định ở trạng thái khác của IUCN (“Không được đánh giá”, “Thiếu dữ liệu” và “Ít quan tâm”) sẽ không được xét trong các đánh giá chuyên sâu hơn.	
		a. Có giấy xác nhận từ nhà sản xuất thức ăn, trong đó nêu rõ nguồn gốc của tất cả các sản phẩm làm từ cá được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn (chi, loài, khu vực thu hoạch). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên và tất cả các yêu cầu chỉ áp dụng với thức ăn dùng tại trại nuôi.	A. Xác nhận trại nuôi lưu hồ sơ về thành phần có trong tất cả thức ăn công nghiệp mà trại nuôi sử dụng.
		b. Xác minh rằng không có loài nào được liệt kê trong mục 5.1.3a thuộc loài “có nguy cơ bị tuyệt chủng” theo sách đỏ của IUCN.	B. Tìm kiếm lại trên dữ liệu IUCN để xác minh kết quả của trại nuôi là chính xác.

		c. Nếu trại nuôi sử dụng thức ăn tự chế biến, xác minh không sử dụng loài "có nguy cơ bị tuyệt chủng" theo sách đỏ của IUCN trong quá trình chế biến. Nếu trại nuôi sử dụng bột cá hay đầu cá, có giấy xác nhận từ nhà cung cấp để chứng minh tính tuân thủ.	C. Xác nhận trại nuôi có đầy đủ bằng chứng chứng minh tính tuân thủ.
Footnote	[45] Sắp nguy cấp, nguy cấp và cực kỳ nguy cấp		
Footnote	[46] www.iucnredlist.org Sử dụng phiên bản mới nhất. Trại nuôi có thời hạn là một năm để điều chỉnh lại với thay đổi mới nhất, nghĩa là, nếu sách đỏ của IUCN cập nhật một loài mới, nhà sản xuất có một năm để đáp ứng tiêu chuẩn.		
5.1.4	Chỉ thị: Các sản phẩm làm từ cá được dùng làm thức ăn chăn nuôi không đến từ các loài có trong CITES (Công ước quốc tế về việc buôn bán các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng) phụ lục I, II và III [47] Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Có giấy xác nhận từ nhà sản xuất thức ăn, trong đó nêu rõ nguồn gốc của tất cả các sản phẩm làm từ cá được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn (chi, loài, khu vực thu hoạch). [Xem chỉ thị 5.1.5 về việc sử dụng phần thừa và sản phẩm nuôi trồng thủy sản làm nguyên liệu thức ăn]. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên và tất cả các yêu cầu chỉ áp dụng với thức ăn dùng tại trại nuôi.	A. Xác nhận trại nuôi có giấy xác nhận của nhà sản xuất thức ăn, trong đó nêu rõ nguồn gốc của tất cả các sản phẩm làm từ cá được sử dụng trong thức ăn công nghiệp.
		b. Xác định xem loài được liệt kê tại mục 5.1.4a có nằm trong phụ lục I, II và III của CITES không bằng cách: - truy cập http://www.cites.org/eng/resources/species.html - chọn "species", gõ tên chi và loài, và chọn "find it"	B. Tìm kiếm lại trên dữ liệu CITES để xác minh kết quả của trại nuôi là chính xác.
		c. Nếu trại nuôi sử dụng thức ăn tự chế biến, xác minh không sử dụng loài có trong phụ lục I, II và III của CITES. Nếu trại nuôi sử dụng bột cá hay đầu cá, có giấy xác nhận từ nhà cung cấp để chứng minh tính tuân thủ.	C. Xác nhận trại nuôi có đầy đủ bằng chứng chứng minh tính tuân thủ.
Footnote	[47] http://www.cites.org/eng/app/appendices.shtml		
<p>Lưu ý: Vào tháng 12/2016, ASC đã công bố Giải pháp tạm thời cho nguyên liệu thức ăn là nguồn lợi thủy sản ASC để thay thế chỉ thị 5.1.5 và 5.1.6 của tiêu chuẩn này. Giải pháp này áp dụng cho tất cả (11) tiêu chuẩn của ASC có chỉ thị liên quan đến nguyên liệu thô là nguồn lợi thủy sản, bao gồm cả những thay đổi được đề xuất cho tiêu chuẩn PAD. Giải pháp tạm thời này sẽ được áp dụng cho đến khi Tiêu chuẩn Thức ăn của ASC có hiệu lực hoặc cho đến khi có các thông báo chính thức của ASC.</p>			
5.1.5	Chỉ thị: Phải sử dụng thức ăn có bổ sung bột cá và đầu cá có chứng nhận của ISEAL Yêu cầu: Trong vòng ba năm kể từ khi bột cá và đầu cá có chứng nhận của ISEAL trở nên phổ biến trên thị trường Áp dụng: Tất cả, sau ba năm kể từ khi bột cá và đầu cá có chứng nhận của ISEAL trở nên phổ biến trên thị trường. Không áp dụng với thức ăn chỉ sử dụng phần thừa hoặc các sản phẩm nuôi trồng thủy sản	Ghi chú 1: "trở nên phổ biến trong khu vực" có nghĩa là có sẵn để mua bán trong khu vực (khu vực thuộc Liên Hợp Quốc), được cung cấp bởi ít nhất hai nhà cung cấp độc lập và được đề cập trong tài liệu không được công bố (tài liệu xám) (ngày sản phẩm được đề cập trong tài liệu xám sẽ được sử dụng). Ghi chú 2: "sản phẩm" không bao gồm phần thừa và sản phẩm nuôi trồng thủy sản được sử dụng như nguyên liệu thức ăn (xem chỉ thị 5.1.3).	
		a. Có giấy xác nhận từ nhà sản xuất thức ăn, trong đó nêu rõ nguồn gốc của tất cả các sản phẩm làm từ cá được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn (chi, loài, khu vực thu hoạch). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên và tất cả các yêu cầu chỉ áp dụng với thức ăn dùng tại trại nuôi. b. Cung cấp bằng chứng chứng minh bột cá và đầu cá đến từ nguồn đánh bắt đã được chứng nhận là tuân thủ các tiêu chuẩn của ISEAL.	A. Xác nhận trại nuôi có giấy xác nhận của nhà sản xuất thức ăn, trong đó nêu rõ nguồn gốc của tất cả các sản phẩm làm từ cá được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn (chi, loài, khu vực thu hoạch). B. Rà soát bằng chứng và xác nhận tính tuân thủ.
5.1.6	Chỉ thị: Phải sử dụng thức ăn có bổ sung bột cá và đầu cá có chứng nhận của ISEAL Yêu cầu: Trong vòng 5 năm kể từ khi tiêu chuẩn PAD được công bố Áp dụng: Tất cả, sau tháng 8/2015. Không áp dụng với thức ăn chỉ sử dụng phần thừa hoặc các sản phẩm nuôi trồng thủy sản	a. Có giấy xác nhận của nhà sản xuất thức ăn, tương tự như chỉ thị 5.1.5. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên và tất cả các yêu cầu chỉ áp dụng với thức ăn dùng tại trại nuôi. b. Có bằng chứng chứng minh nguyên liệu thức ăn đã được cấp chứng nhận, tương tự chỉ thị 5.1.5.	A. Xác nhận trại nuôi có thông tin về nguyên liệu dùng trong thức ăn. B. Rà soát bằng chứng và xác nhận tính tuân thủ.

5.1.7	<p>Chỉ thị: Lựa chọn tạm thời A: Bột cá và dầu cá được sử dụng trong thức ăn phải đến từ các ngư trường có điểm trung bình FS (Fishsource)</p> <p>Yêu cầu: ≥ 6.0 cho tất cả các mục</p> <p>Lựa chọn tạm thời B: Các sản phẩm làm từ cá được sử dụng trong thức ăn phải đến từ các nơi cung cấp được chứng nhận là có tuân thủ với Mục 1 (Nguồn cung có trách nhiệm), 2 (Truy xuất nguồn gốc), và 3 (Sản xuất có trách nhiệm) của “Chương trình Nguồn cung có trách nhiệm – Chứng nhận thực hành có trách nhiệm đối với sản phẩm bột cá và dầu cá” do Tổ chức Bột cá và Dầu cá Quốc tế (IFFO) khởi xướng</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Cho đến khi trại nuôi có thể đáp ứng được chỉ thị 5.1.5 hay 5.1.6. Không áp dụng với thức ăn chỉ sử dụng phần thừa hoặc các sản phẩm nuôi trồng thủy sản</p>	<p>Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 5.1.7 - Điểm Fishsource đối với sản phẩm dùng trong thức ăn</p> <p>Để xác định điểm Fishsource của loài cá được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn, thực hiện các bước sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - truy cập http://www.fishsource.org/ - chọn “species” để tab bên trái hiện ra - chọn loài trại nuôi sử dụng làm nguồn sản xuất bột cá và dầu cá - đảm bảo loài hiện trong thanh tìm kiếm đúng là loài được sử dụng, chọn “score” nằm ở phía đầu tab - xem điểm có ≥ 6.0 ở mọi mục hay không <p>Nếu loài không tuân thủ cả ba mục được nêu trong tiêu chí, như vậy thức ăn không đạt chuẩn theo tiêu chuẩn PAD. Nếu loài vẫn chưa được đánh giá (không được liệt kê trong website của Fishsource), như vậy thức ăn cũng không đạt chuẩn theo tiêu chuẩn PAD. Liên hệ Fishsource qua tổ chức Đối tác Nghề cá Bền vững (SFP) để biết loài nào được ưu tiên đánh giá.</p>	
	<p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Cho đến khi trại nuôi có thể đáp ứng được chỉ thị 5.1.5 hay 5.1.6. Không áp dụng với thức ăn chỉ sử dụng phần thừa hoặc các sản phẩm nuôi trồng thủy sản</p>	<p>a. Có giấy xác nhận của nhà sản xuất thức ăn, tương tự như chỉ thị 5.1.5. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên và tất cả các yêu cầu chỉ áp dụng với thức ăn dùng tại trại nuôi.</p>	A. Xác nhận trại nuôi có thông tin về nguyên liệu dùng trong thức ăn.
		<p>b. Cung cấp điểm FS hoặc chứng nhận IFFO của mỗi loài được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn trong 12 tháng qua. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên và tất cả các yêu cầu chỉ áp dụng với thức ăn dùng tại trại nuôi.</p>	B. Rà soát điểm FS và chứng nhận IFFO của những loài được dùng làm thức ăn. Kiểm tra chéo với các loài được liệt kê trong tờ khai của nhà cung cấp thức ăn (xem tại 5.1.3a)
5.1.8	<p>Chỉ thị: Có bằng chứng giúp người mua cá tra biết được rằng, trong thức ăn được sử dụng cho cá, có nguyên liệu thô là thực vật biến đổi gen hoặc có nguồn gốc từ thực vật biến đổi gen</p> <p>Yêu cầu: Có, với mỗi nguyên liệu thô chứa hơn 1% hàm lượng chuyển gen</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Có tờ khai của nhà cung cấp, trong đó nêu rõ hàm lượng đậu nành và các nguyên liệu thực vật khác có trong thức ăn, và liệu nguyên liệu có đến từ thực vật biến đổi gen hay không.</p> <p>b. Công khai danh sách các nguyên liệu có nguồn gốc là thực vật biến đổi gen có trong thức ăn với người mua cá. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.</p> <p>c. Báo cáo với ASC liệu thức ăn có chứa nguyên liệu biến đổi gen hay không (trả lời có hoặc không).</p>	<p>A. Rà soát tờ khai của nhà cung cấp thức ăn và đảm bảo tờ khai của mọi nhà cung cấp đều có đủ.</p> <p>B. Xác minh bằng chứng là trại nuôi có công khai danh sách với tất cả người mua, kiểm tra chéo với danh sách nguyên liệu thực vật để xem liệu trại nuôi có công khai tất cả nguyên liệu có nguồn gốc là thực vật biến đổi gen hay không.</p> <p>C. Xác nhận là trại nuôi đã báo cáo với ASC về việc liệu có đang sử dụng thức ăn có chứa nguyên liệu biến đổi gen hay không.</p>
5.2 Tiêu chí: Quản lý việc sử dụng thức ăn trong trại nuôi một cách hiệu quả			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
5.2.1	<p>Chỉ thị: Bình quân gia quyền [50] tối đa của hệ số eFCR (tỷ lệ chuyển hóa thức ăn có hiệu quả kinh tế) cho một chu kỳ sản xuất</p> <p>Yêu cầu: 1.68</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Có biên nhận và/hoặc giấy xác nhận từ nhà cung cấp giống, trong đó nêu rõ trọng lượng trung bình của giống và số lượng giống. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên và trong hồ sơ của mỗi điểm nuôi ít nhất phải lưu thông tin về một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).</p> <p>b. Lưu giữ hồ sơ, trong đó nêu rõ loại thức ăn và tổng lượng sử dụng (xem tại 3.1.1a)</p> <p>c. Lưu giữ hồ sơ (biên nhận), trong đó nêu rõ lượng cá thu hoạch (xem tại 2.4.2b). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).</p> <p>d. Tính eFCR và năng suất từng vụ nuôi trong 12 tháng qua, sử dụng công thức tại phụ lục D, tiêu chuẩn PAD. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).</p> <p>e. Tính giá trị bình quân gia quyền tối đa của eFCR cho toàn một chu kỳ sản xuất, sử dụng công thức tại phụ lục D, tiêu chuẩn PAD.</p>	<p>A. Rà soát hồ sơ để xác nhận trại nuôi có lưu hồ sơ của tất cả các giống.</p> <p>B. Xác nhận trại nuôi lưu hồ sơ về thức ăn đúng và đủ.</p> <p>C. Xác minh trại nuôi có lưu hồ sơ, trong đó nêu rõ lượng cá thu hoạch.</p> <p>D. Rà soát cách tính để xem trại nuôi có tính đúng và đủ hay không.</p> <p>E. Rà soát cách tính của trại nuôi để xác nhận trại nuôi tính đúng. Xác nhận tính tuân thủ.</p>
Footnote	[50] Bình quân gia quyền được tính bằng số lượng cá được nuôi ở các đơn vị nuôi khác nhau (như ao, đặng, quầng và lồng nuôi)		

5.2.2	Chỉ thị: Hệ số FFER (tỷ lệ chuyển hóa nguyên liệu có nguồn gốc từ cá trong thức ăn) tối đa Yêu cầu: 0.5 Áp dụng: Tất cả	a. Có giấy xác nhận của nhà sản xuất thức ăn, trong đó nêu rõ mỗi loại thức ăn sử dụng chứa lượng bột cá và dầu cá tối đa là bao nhiêu. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	A. Xác minh trại nuôi có thông tin về tỷ lệ bột cá và dầu cá có trong mỗi loại thức ăn.
		b. Tính FFER sử dụng công thức tại phụ lục D, tiêu chuẩn PAD. Phụ phẩm từ quá trình chế biến các loài khác ngoài cá tra, không nằm trong sách đỏ của IUCN hay danh sách của CITES có thể được sử dụng nhưng không được tính là "bột cá hay dầu cá" để đưa vào công thức.	B. Rà soát cách tính của trại nuôi để xác nhận trại nuôi tính đúng. Xác nhận tính tuân thủ.

NGUYÊN TẮC 6: GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG LÊN HỆ SINH THÁI VÀ SỨC KHỎE CON NGƯỜI, ĐỒNG THỜI TỐI ĐA HÓA SỨC KHỎE CỦA CÁ, AN SINH CHO CÁ VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

6.1 tiêu chí: Tỷ lệ tử vong

		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
6.1.1	Chỉ thị: Tỷ lệ tử vong thực tế trung bình, từ lúc thả giống đến lúc thu hoạch, trong suốt quá trình nuôi thương phẩm (xem công thức tính Tỷ lệ tử vong thực tế tại phụ lục D) tối đa Yêu cầu: 20 % Áp dụng: Tất cả	<p>Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 6.1.1 – Tính tỷ lệ tử vong thực tế trung bình</p> <p>Tính giá trị bình quân gia quyền của tỷ lệ tử vong thực tế bằng cách sử dụng dữ liệu lượng cá thả và lượng cá thu hoạch tại mỗi đơn vị nuôi trong 12 tháng qua. Với mỗi đơn vị nuôi, đúng công thức sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xác định số lượng cá thả bằng cách <ul style="list-style-type: none"> đếm trực tiếp số cá con, hoặc lấy tổng trọng lượng số cá thả chia cho trọng lượng trung bình của mỗi con cá thả Xác định số lượng cá thu hoạch bằng cách <ul style="list-style-type: none"> đếm trực tiếp số cá thu hoạch, hoặc lấy tổng trọng lượng cá thu hoạch chia cho trọng lượng trung bình của mỗi con cá thu hoạch Sử dụng công thức tại phụ lục D, tính tỷ lệ tử vong thực tế của mỗi đơn vị nuôi (ghi chú 1) Lặp lại bước 1 – 3 cho mỗi đơn vị nuôi Tính giá trị bình quân gia quyền của tỷ lệ tử vong thực tế (RPM) trong suốt 12 tháng qua bằng cách: $\text{Bình quân gia quyền} = [(RPM_{E1} \times \text{Năng suất}_{E1}) + (RPM_{E2} \times \text{Năng suất}_{E2}) \dots + (RPM_{En} \times \text{Năng suất}_{En})] / (\text{Năng suất}_{E1} + \text{Năng suất}_{E2} \dots + \text{Năng suất}_{En})$ <p>Trong đó E1, E2, En tương ứng với đơn vị 1, đơn vị 2,đơn vị n</p> <p>Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).</p> <p>Ghi chú 1: Chỉ tính cá còn sống. Không tính cá chết khi tính số lượng cá thu hoạch hay số lượng cá thả. Ghi chú 2: Chỉ sử dụng dữ liệu của những vụ nuôi hoàn chỉnh.</p>	
		a. Có biên nhận và/hoặc giấy xác nhận của nhà cung cấp giống, trong đó nêu rõ trọng lượng trung bình của giống và số lượng (xem tại 5.2.1a). Lưu giữ hồ sơ ghi rõ lượng cá thả ở mỗi đơn vị nuôi trong 12 tháng qua. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên và trong hồ sơ của mỗi điểm nuôi ít nhất phải lưu thông tin về một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	A. Rà soát biên nhận. Xác nhận hồ sơ của trại nuôi đủ để xác định lượng cá giống thả ở mỗi đơn vị nuôi.
		b. Lưu hồ sơ mỗi đợt thu hoạch (như biên nhận bán hàng hoặc biên nhận của nhà máy chế biến), trong đó nêu rõ tổng lượng cá thu hoạch ở mỗi đơn vị nuôi. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	B. Rà soát biên nhận. Xác nhận hồ sơ của trại nuôi đủ để xác định lượng cá thu hoạch ở mỗi đơn vị nuôi.
		c. Tính giá trị bình quân gia quyền của tỷ lệ tử vong thực tế (xem bên trên) bằng cách sử dụng công thức tại phụ lục D, tiêu chuẩn PAD. Cung cấp cách tính cho thanh tra viên.	C. Rà soát cách tính của trại nuôi để xác minh tính chính xác. Xác nhận tỷ lệ tử vong thực tế trung bình ≤ 20%.

6.2 Tiêu chí: Thuốc thú y và hóa chất

		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
--	--	--	---

6.2.1	<p>Chỉ thị: Chỉ sử dụng thuốc thú y, hóa chất và sản phẩm sinh học được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng trong ngành nuôi trồng thủy sản và không nằm trong danh mục cấm dùng cho cá được sử dụng làm thực phẩm ở các quốc gia nhập khẩu</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Chuẩn bị danh sách các loại thuốc thú y, hóa chất và sản phẩm sinh học được sử dụng tại trại nuôi trong 12 tháng qua. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	A. Rà soát danh sách các loại thuốc thú y, hóa chất và sản phẩm sinh học.
		b. Cung cấp hồ sơ, trong đó nêu chi tiết cách trại nuôi sử dụng thuốc thú y, hóa chất và sản phẩm sinh học trong 12 tháng qua. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	B. Rà soát hồ sơ để xác nhận cách trại nuôi sử dụng các sản phẩm này. Khi đến xem xét trại nuôi, xác minh không có bằng chứng cho thấy trại nuôi có sử dụng một loại thuốc thú y, hóa chất hay sản phẩm sinh học nào đó mà không ghi chép lại trong hồ sơ (tức là không có thùng rỗng hay có vật tư kho không được kiểm kê).
		c. Cung cấp tên nhà cung cấp các loại thuốc được liệt kê tại mục 6.2.1 và thông tin liên hệ.	C. Rà soát danh sách.
		d. Với danh sách được liệt kê tại mục 6.2.1, chứng minh mỗi loại thuốc đều được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.	D. Xác nhận sản phẩm mà trại nuôi sử dụng được cho phép dùng trong nuôi trồng thủy sản.
		e. Cung cấp danh sách các đợt xuất khẩu của trại nuôi (tức là bên mua là công ty nước ngoài) trong 12 tháng qua.	E. Rà soát danh sách và đối chiếu với các biên nhận bán hàng của trại nuôi.
		f. Nếu trại nuôi không thể xác định tên quốc gia mà cá được xuất khẩu qua, chuẩn bị danh sách 5 quốc gia nhập khẩu chính sản phẩm cá tra của quốc gia mà trại nuôi đang hoạt động (hoặc khu vực áp dụng chung một điều luật về vấn đề này, ví dụ như liên minh châu Âu được xem là một quốc gia).	F. Rà soát danh sách (nếu mục này được áp dụng).
		g. Với mỗi quốc gia được liệt kê tại mục 6.2.1e (hoặc 6.2.1f nếu mục này được áp dụng), cung cấp danh sách các loại thuốc thú y, hóa chất, sản phẩm sinh học bị cấm đối với cá tra nhập khẩu cho con người tiêu thụ.	G. Rà soát danh sách.
		h. Chứng minh trong 12 tháng qua, trại nuôi không sử dụng bất kỳ loại thuốc thú y, hóa chất hay sản phẩm sinh học bị cấm hoặc không được phê duyệt bởi quốc gia nhập khẩu.	H. Rà soát bằng chứng. Kiểm tra chéo thị trường xuất khẩu của trại nuôi (tức là các quốc gia nhập khẩu) với danh mục sản phẩm bị cấm (xem tại 6.2.1e) tại quốc gia này.
6.2.2	<p>Chỉ thị: Chỉ sử dụng thuốc thú y và hóa chất để chữa bệnh cho cá khi thuốc được kê đơn bởi chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh [55] và lý do dùng đã được làm rõ; sử dụng thuốc đúng với mục đích được nêu trên nhãn thuốc [56].</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Cung cấp hồ sơ, trong đó gồm đơn thuốc hoặc chỉ định của chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh có đủ trình độ [55] về thuốc thú y và hóa chất dùng tại trại nuôi. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	A. Rà soát hồ sơ về đơn thuốc hoặc chỉ định sử dụng thuốc thú y và hóa chất.
		b. Với mỗi lần dùng thuốc thú y và hóa chất để trị bệnh cho cá, cung cấp bản mô tả tình trạng sức khỏe của cá cũng như sự đồng ý (đơn thuốc) của chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	B. Rà soát mô tả (dạng văn bản). Xác nhận thuốc thú y được sử dụng dưới sự cho phép của chuyên gia.
		c. Nếu thuốc được dùng theo cách khác với thông số trên nhãn, có giấy xác nhận của chuyên gia về sức khỏe động vật, trong đó nêu rõ lý do. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	C. Rà soát giấy xác nhận của chuyên gia nếu trường hợp này xảy ra.
		d. Có bản sao bằng cấp của chuyên gia về sức khỏe động vật để chứng minh chuyên gia có đủ trình độ đảm nhiệm vị trí này.	D. Rà soát bằng chứng. Xác nhận chuyên gia có đủ trình độ đảm nhiệm vị trí.
Footnote	<p>[55] Định nghĩa cho chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh được nêu trong các quy định của chính phủ, nếu những quy định này có tồn tại ở quốc gia sản xuất. Nếu như chính phủ không kiểm soát vấn đề này, những người sau đây có thể được coi là chuyên gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cán bộ thú y được đào tạo chuyên ngành về quản lý sức khỏe cá ít nhất là ba tháng (hoặc ít nhất 60 giờ). Khóa đào tạo này có thể đã được bao gồm trong chứng chỉ thú y. • Cán bộ về nuôi trồng thủy sản (có bằng đại học hoặc trung cấp) đã hoàn thành khóa đào tạo về bệnh học và cách điều trị cá kéo dài ít nhất là ba tháng (hoặc ít nhất 60 giờ). Khóa đào tạo này có thể đã được bao gồm trong bằng đại học hoặc bằng trung cấp. 		

Footnote	[56] Các thông số ghi trên nhãn thuốc có thể bị bác bỏ bởi chỉ dẫn của chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh trong quá trình ghi chú lý do dẫn đến quyết định vào sổ trang trại hay khi phê duyệt quyết định trong kế hoạch chăm sóc sức khỏe động vật.		
6.2.3	<p>Chỉ thị: Tuân theo chỉ dẫn của chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh, các chỉ dẫn gồm:</p> <p>1 - cách cho cá dùng thuốc thú y và hóa chất được kê đơn</p> <p>2 - cách xử lý và lưu trữ thuốc thú y và hóa chất được kê đơn</p> <p>3 - ai cần nắm được thông tin về dịch bệnh và nắm được bằng cách nào</p> <p>4 - cách để ngăn dịch bệnh không lây sang các quần thể cá ngoài tự nhiên hoặc các quần thể nuôi khác</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Với mỗi lần sử dụng thuốc thú y và hóa chất cũng như mỗi lần có cá chết, cung cấp giấy xác nhận, trong đó chuyên gia chỉ dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - cách cho cá dùng thuốc thú y và hóa chất được kê đơn - cách xử lý và lưu trữ thuốc thú y và hóa chất được kê đơn - ai cần nắm được thông tin về dịch bệnh và nắm được bằng cách nào - cách để ngăn dịch bệnh không lây sang các quần thể cá ngoài tự nhiên hoặc các quần thể nuôi khác <p>Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.</p>	A. Rà soát các đợt cá cần trị bệnh hay có cá chết để xác minh trại nuôi được bác sĩ chỉ dẫn (chỉ dẫn ở dạng văn bản) một trong bốn điểm trên.
		<p>b. Cung cấp tờ khai chứng minh trại nuôi có làm theo chỉ dẫn của chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh.</p>	B. Rà soát tờ khai của trại nuôi để xác nhận trại nuôi có làm theo chỉ dẫn của chuyên gia.
			C. Khi đến xem xét trại nuôi, kiểm tra để xác minh trại nuôi lưu trữ thuốc đúng cách theo chỉ dẫn của chuyên gia.
			D. Khi đến xem xét trại nuôi, trực tiếp quan sát để xác nhận không có bằng chứng cho thấy trại nuôi không tuân thủ chỉ dẫn của chuyên gia.
6.2.4	<p>Chỉ thị: Được phép bán cá hoặc các sản phẩm làm từ cá trước khi thuốc thú y hay hóa chất được cá phân giải hoàn toàn theo như quy định trên nhãn hoặc áp dụng 750 °D nếu thời gian thuốc tan rã hoàn toàn không được đề cập.</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Nếu trại nuôi có trị bệnh cho cá bằng hóa chất/thuốc thú y trong 12 tháng qua, cung cấp hồ sơ lưu hàng ngày về việc sử dụng thuốc và nhiệt độ nước trong suốt giai đoạn chờ thuốc được phân giải hoàn toàn. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên và trong hồ sơ của mỗi điểm nuôi ít nhất phải lưu thông tin về một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).</p>	A. Rà soát hồ sơ về thời gian phân giải của tất cả loại thuốc.
		<p>b. Cung cấp nhãn thuốc trong đó nói rõ thời gian thuốc cần để phân giải hoàn toàn. Nếu nhãn không nêu rõ, cung cấp bằng chứng cho thấy thời gian cần để phân giải hoàn toàn > 750 nhiệt độ ngày (degree day).</p>	B. Rà soát nhãn và ngày thuốc phân giải hoàn toàn.
		<p>c. Cung cấp bằng chứng (biên nhận) chứng minh trong 12 tháng qua, cá không được thu hoạch trước khi thuốc được phân giải hoàn toàn. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên</p>	C. Đánh giá bằng chứng để xác minh cá không được thu hoạch trước khi thuốc được phân giải hoàn toàn.
6.2.5	<p>Chỉ thị: Được phép dùng các thuốc kháng sinh được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đưa vào danh sách thuốc kháng sinh dùng để điều trị bệnh cho người [57].</p> <p>Yêu cầu: Không</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cập nhật danh sách thuốc kháng sinh dùng tại trại nuôi trong 12 tháng qua. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).</p>	A. Rà soát danh sách kháng sinh.
		<p>b. Chuẩn bị tờ khai, trong đó nêu rõ trại nuôi không sử dụng thuốc kháng sinh dùng để điều trị bệnh cho người nằm trong danh sách của WHO trong 12 tháng qua.</p>	B. Rà soát tờ khai. Kiểm tra chéo loại thuốc kháng sinh được sử dụng tại trại (xem tại 6.2.5a) với danh sách của WHO về thuốc kháng sinh dùng để điều trị bệnh cho người.
		<p>c. Cung cấp danh sách mới nhất của WHO [57]</p>	C. Xác minh trại nuôi có bản sao danh sách mới nhất của WHO [57]
			D. Khi đến xem xét trại nuôi, quan sát và kiểm tra để xác minh không có bằng chứng cho thấy trại nuôi có sử dụng thuốc kháng sinh dùng để điều trị bệnh cho người.
Footnote	[57] Dựa theo cuộc họp giữa các chuyên gia WHO lần hai về Thuốc kháng sinh dùng để điều trị bệnh cho người: Phân loại để phát triển chiến lược quản lý rủi ro nhằm ngăn chặn tình trạng kháng kháng sinh do việc sử dụng kháng sinh cho mục đích khác ngoài để trị bệnh cho người, 29-31, tháng 5/2007 http://www.who.int/entity/foodborne_disease/resistance/antimicrobials_human.pdf		

6.2.6	Chỉ thị: Được phép sử dụng thuốc thú y để ngăn ngừa bệnh (không tính vaccine) trước khi có bằng chứng cho thấy đang xảy ra dịch bệnh Yêu cầu: Không Áp dụng: Tất cả	a. Cung cấp tờ khai, trong đó nêu rõ trại nuôi không sử dụng thuốc thú y để ngăn ngừa bệnh (trước khi có bằng chứng cho thấy cá đang bị bệnh).	A. Xác minh trại nuôi có tờ khai.
		b. Có giấy xác nhận của chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh, trong đó nêu rõ chuyên gia không nhận thấy trại nuôi để xảy ra tình trạng sử dụng thuốc thú y để ngăn ngừa bệnh (trước khi có bằng chứng cho thấy cá đang bị bệnh) trong 12 tháng qua. Với lần thanh tra đầu tiên, thời gian để cập trong tờ khai phải trên 6 tháng.	B. Xác minh chuyên gia có khẳng định trại nuôi không sử dụng thuốc thú y để ngăn ngừa bệnh mà không có sự đồng ý của chuyên gia.
		c. Lưu giữ biên nhận của tất cả các đơn mua thuốc thú y. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	C. Xác minh trại nuôi có lưu hồ sơ về tất cả các đợt mua thuốc thú y.
			D. Khi đến xem xét trại nuôi, kiểm tra hàng tồn kho của thuốc thú y để xác minh tất cả thuốc đều được hạch toán.
			E. Đối chiếu lượng thuốc mua với lượng thuốc tồn kho và hồ sơ sử dụng thuốc (6.2.5a) bằng cách rà soát một mẫu thuốc.
6.2.7	Chỉ thị: Được phép sử dụng thuốc thú y (không tính vaccine) để làm chất kích thích tăng trưởng [58]. Yêu cầu: Không Áp dụng: Có	a. Có tờ khai của người sử dụng thuốc, được phê duyệt bởi chuyên gia về sức khỏe động vật thú y, trong đó nêu rõ trại nuôi không sử dụng thuốc thú y (không tính vaccine) để làm chất kích thích tăng trưởng trong 12 tháng qua. Với lần thanh tra đầu tiên, thời gian để cập trong tờ khai phải trên 6 tháng.	A. Xác minh chuyên gia có phê duyệt tờ khai về việc trại trại nuôi không sử dụng thuốc thú y làm chất kích thích tăng trưởng
			B. Đối chiếu lượng thuốc mua với lượng thuốc tồn kho và hồ sơ sử dụng thuốc (6.2.5a) bằng cách rà soát một mẫu thuốc.
6.2.8	Chỉ thị: Tính toán và xác minh tổng lượng từng loại thuốc kháng sinh (hoạt chất) được dùng trên mỗi tấn cá thương phẩm mỗi năm và tần suất điều trị Yêu cầu: Tính bằng cách lấy số kg hoạt chất của từng kháng sinh/tấn cá thương phẩm/năm Áp dụng: Tất cả	a. Tính tổng lượng từng loại thuốc kháng sinh (hoạt chất) được dùng trên mỗi tấn cá thương phẩm mỗi năm.	A. Rà soát danh sách thuốc kháng sinh và xác minh cách tính của trại nuôi là đúng.
		b. Lưu hồ sơ về tần suất điều trị.	B. Kiểm tra liệu trại nuôi có lưu đúng hồ sơ về tần suất trại nuôi
		c. Gửi kết quả tính và hồ sơ về tần suất điều trị đến ASC.	C. Xác minh trại nuôi đã gửi kết quả tính và hồ sơ đến ASC.
Footnote	[58] Thuốc kích thích tăng trưởng: Thuốc thú y, ví dụ kháng sinh, được dùng cho đàn cá khỏe mạnh chỉ với một mục đích duy nhất là làm cho đàn cá sinh trưởng nhanh hơn (chứ không phải để điều trị một loại bệnh cụ thể).		
6.3 Tiêu chí: Kế hoạch đảm bảo sức khỏe cho cá tra			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
6.3.1	Chỉ thị: Đưa ra được kế hoạch đảm bảo sức khỏe cho cá tra và kế hoạch này được xét lại mỗi năm, được cập nhật và phê duyệt bởi chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh[59] (Xem Danh mục Kế hoạch đảm bảo sức khỏe tại phụ lục E) Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị kế hoạch đảm bảo sức khỏe cho cá tra với tất cả các mục được liệt kê tại phụ lục E.	A. Rà soát kế hoạch đảm bảo sức khỏe để xác nhận kế hoạch có tuân theo phụ lục E.
		b. Có bản đánh giá và phê duyệt của chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh cho kế hoạch đảm bảo sức khỏe cá tra của trại nuôi.	B. Xác nhận chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh có đánh giá và phê duyệt kế hoạch đảm bảo sức khỏe cá tra.
		c. Rà soát kế hoạch đảm bảo sức khỏe ít nhất một lần mỗi 12 tháng. Cập nhật khi cần và được chuyên gia đồng ý.	C. Xác nhận kế hoạch đảm bảo sức khỏe cá tra của trại nuôi được kiểm tra, cập nhật và phê duyệt mỗi 12 tháng. Với lần thanh tra đầu tiên, mục này sẽ ghi "không áp dụng".
			D. Khi đến xem xét trại nuôi, xác minh kế hoạch được thực hiện và có đem lại hiệu quả.
Footnote	[59] Sử dụng tiêu chuẩn GlobalG.A.P. AB 5.2.3 làm tài liệu tham khảo và có chỉnh sửa tiêu chuẩn để phù hợp với các yêu cầu của các bên tham gia đối thoại PAD		
6.4 Tiêu chí: Ghi chép, lưu trữ hồ sơ về các đơn vị nuôi			

		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
6.4.1	Chỉ thị: Có hồ sơ ghi rõ tên, lý do sử dụng, ngày, lượng và thời gian tan rã của tất cả các loại thuốc thú y và hóa chất được dùng ở các đơn vị nuôi giống và nuôi thương phẩm Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Giữ hồ sơ trong đó nêu rõ tất cả loại thuốc kháng sinh và hóa chất được sử dụng tại các đơn vị nuôi thương phẩm. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	A. Xác minh trại nuôi có lưu hồ sơ mua hàng.
		b. Giữ bản sao nhãn thuốc, trong đó nêu rõ thời gian thuốc cần để phân giải hoàn toàn tại các đơn vị nuôi thương phẩm. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	B. Xác minh trại nuôi có lưu hồ sơ, trong đó ghi rõ thời gian thuốc cần để phân giải hoàn toàn tại các đơn vị nuôi thương phẩm
		c. Giữ tờ khai có chữ ký của chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh, trong đó ghi rõ ngày, chẩn đoán, cách điều trị và thời gian thuốc phân giải hoàn toàn (nếu khác với nhãn thuốc) của tất cả các loại thuốc và hóa chất được sử dụng tại các đơn vị nuôi thương phẩm. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	C. Xác minh trại nuôi có lưu tờ khai của chuyên gia về loại thuốc sử dụng tại các đơn vị nuôi thương phẩm.
		d. Giữ tờ khai có chữ ký của nhà cung cấp giống, trong đó ghi rõ hóa chất và thuốc thú y được sử dụng trong quá trình sản xuất giống. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	D. Xác minh trại nuôi có tờ khai của tất cả các nhà cung cấp giống.
6.4.2	Chỉ thị: Có hồ sơ ghi rõ nguồn cung, kích cỡ và chất lượng đàn cá giống được thả. Hồ sơ về chất lượng của cá giống bao gồm: 1 - Mô tả tổng quát các dấu hiệu và các bất thường 2 - Bảng kê thuốc thú y, hóa chất và sản phẩm sinh học sử dụng ở những giai đoạn đầu của đàn giống 3 - Kết quả xét nghiệm, theo quy định của địa phương Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Với tất cả các đợt thả cá trong 12 tháng qua, có giấy xác nhận có chữ ký của nhà cung cấp giống về: - nguồn cá, kích thước và chất lượng cá giống; - ngày cung cấp; - a description of any external signs of abnormalities at the time of sale; - and danh sách thuốc thú y, hóa chất và sản phẩm sinh học sử dụng giai đoạn đầu của đàn giống (tại bất kỳ thời điểm nào từ lúc nhân giống trở đi); và - kết quả xét nghiệm mầm bệnh theo quy định. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	A. Xác minh trại nuôi lưu hồ sơ về chất lượng của cá giống như được yêu cầu.
6.4.3	Chỉ thị: Ghi chép và lưu giữ hồ sơ hàng ngày về các dấu hiệu bị sốc [60] hoặc bị bệnh của cá Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Cập nhật hồ sơ hàng ngày (nhật ký) về các dấu hiệu bị sốc hoặc bị bệnh cá cá. Hồ sơ phải ghi rõ: - ngày; - hành xử bất thường (như cách bơi) hoặc các biểu hiện bất thường bên ngoài cơ thể (như cá bị thương, có các vết đốm hoặc bị tổn thương vảy); và - số lượng cá chết Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	A. Rà soát hồ sơ của trại nuôi để xác nhận tất cả các thông tin cần thiết đều được ghi chép. Xác minh tính tuân thủ.
Footnote	[60] Các dấu hiệu bị sốc hoặc bị bệnh ở cá gồm hành xử bất thường (như cách bơi), ít ăn hoặc xuất hiện các biểu hiện bất thường bên ngoài cơ thể (như bị thương, có các vết đốm hoặc bị tổn thương vảy)		
	Chỉ thị: Báo cáo với chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh khi tỷ lệ tử	Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 6.4.4 – Thiết lập ngưỡng báo cáo tỷ lệ tử vong Chỉ thị 6.4.4 yêu cầu tất cả trại nuôi phải báo cáo mỗi lần cá chết số lượng đáng kể cho chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh. Tiêu chuẩn PAD không đề cập giá trị ngưỡng cho toàn trại nuôi áp dụng cho toàn trường hợp. Thay vào đó, tiêu chuẩn PAD yêu cầu trại nuôi thảo luận với chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh để thiết lập ngưỡng báo cáo tỷ lệ tử vong phù hợp để xác định thế nào là tỷ lệ tử vong đáng kể hoặc “trên mức trung bình” và ngưỡng được lập dựa trên dữ liệu của trại nuôi. Khi thiết lập ngưỡng, trại nuôi cần cân nhắc các vấn đề sau: - phải sử dụng dữ liệu của trại nuôi về tỷ lệ tử vong để thiết lập ngưỡng và cần sử dụng thông tin của ít nhất một ao nuôi được lựa chọn ngẫu nhiên; - ngưỡng phải được thiết lập theo từng giai đoạn cụ thể để tính tỷ lệ tử vong khác nhau trong tuần đầu tiên, trong tháng đầu tiên và bất kỳ tháng nào tiếp theo đó; - chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh của trại nuôi phải là người thiết lập và phê duyệt giá trị ngưỡng, chứ không phải người nuôi; và - trại nuôi phải mô tả cách thiết lập ngưỡng trong kế hoạch đảm bảo sức khỏe của cá tra.	

6.4.4	<p>vong trong ngày cao hơn tỷ lệ tử vong trung bình của toàn trại nuôi</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	a. Cập nhật hồ sơ hàng ngày về tỷ lệ tử vong ở mỗi đơn vị nuôi (xem tại 6.4.3). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	A. Rà soát hồ sơ ghi chép tử lệ tử vong theo ngày.
		b. Đưa chuyên gia về sức khỏe động vật thủy sinh xem xét hồ sơ của trại nuôi về tỷ lệ tử vong. Hỏi ý kiến chuyên gia về việc thiết lập giá trị ngưỡng cho báo cáo tỷ lệ tử vong dựa trên các đánh giá về tỷ lệ tử vong của trại nuôi (xem hướng dẫn).	B. Xác minh chuyên gia của trại nuôi đã xem xét hồ sơ trước khi thiết lập giá trị ngưỡng cho báo cáo tỷ lệ tử vong.
		c. Mô tả các thiết lập giá trị ngưỡng trong kế hoạch đảm bảo sức khỏe của cá tra.	C. Rà soát giá trị ngưỡng tỷ lệ tử vong trong kế hoạch đảm bảo sức khỏe cá tra của trại nuôi để xác nhận tính tuân thủ.
		d. Lưu giữ hồ sơ, trong đó ghi rõ trại nuôi đã báo cáo các đợt cá chết mà tỷ lệ tử vong vượt ngưỡng đến chuyên gia. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	D. Rà soát hồ sơ báo cáo và kiểm tra với hồ sơ hàng ngày về tỷ lệ tử vong để xác nhận tính tuân thủ.

6.5 Tiêu chí: An sinh cho cá

		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
6.5.1	<p>Chỉ thị: Tỷ lệ tăng trưởng trung bình tối thiểu</p> <p>Yêu cầu: 3.85g/ngày</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 6.5.1 - Tính tỷ lệ tăng trưởng trung bình</p> <p>Công thức tính năng suất và tỷ lệ tăng trưởng trung bình (AGR) được đề cập tại phụ lục D, tiêu chuẩn PAD. Trại nuôi phải sử dụng dữ liệu về lượng cá thả và lượng cá thu hoạch từ mỗi ao riêng lẻ (tức là tính theo từng vụ một). Áp dụng công thức như sau:</p> <p>Năng suất (từ ao1) = tổng trọng lượng cá thu hoạch (từ ao1) – tổng trọng lượng cá thả (từ ao1)</p> <p>AGR_{P1} (tỷ lệ tăng trưởng trung bình ao 1) = năng suất_{P1}/thời gian chu kỳ nuôi (ao 1)</p> <p>Trọng lượng được tính theo gam (g), thời gian tính theo ngày (d), AGR có đơn vị là g/ngày (g/d) và mỗi đơn vị nuôi được ký hiệu lần lượt là P1, P2, P3, v.v.</p> <p>Lặp lại cách tính trên cho ao 2, ao 3 cho đến khi tất cả các ao (đã được thu hoạch) đều được tính AGR. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu). Sau đó, tính giá trị bình quân gia quyền AGR bằng công thức sau:</p> $\text{Bình quân gia quyền AGR} = [(AGR_{P1} \times \text{Năng suất}_{P1}) + (AGR_{P2} \times \text{Năng suất}_{P2}) \dots + (AGR_{Pn} \times \text{Năng suất}_{Pn})] / (\text{Năng suất}_{P1} + \text{Năng suất}_{P2} \dots + \text{Năng suất}_{Pn})$ <p>Ghi chú: Chỉ thị 6.5.1 được xây dựng với giả định rằng: - cá khi được thả nặng khoảng 80g - cá khi được thu hoạch nặng khoảng 1000g - thời gian trung bình của chu kỳ nuôi là khoảng 8 tháng</p> <p>Vì tốc độ tăng trưởng của cá tra có thể thay đổi tùy vào kích thước cơ thể (tức là phụ thuộc vào kích thước và tuổi cá tra), mức tăng trưởng tuyệt đối sẽ giảm nếu cá khi được thu hoạch nhỏ hơn 1kg (tức là trại nuôi thu hoạch cá khi cá chỉ nặng trung bình 600-700g)</p> <p>Thanh tra viên đánh giá tính tuân thủ chỉ thị 6.5.1 như sau. Trại nuôi phải cung cấp cho thanh tra viên đầy đủ thông tin cần thiết về trọng lượng trung bình của cá thả, trọng lượng trung bình của cá thu hoạch, và thời gian trung bình của chu kỳ nuôi. Thanh tra viên sẽ rà soát cách tính của trại nuôi về tỷ lệ tăng trưởng và theo dõi xem trại nuôi có tuân thủ chỉ thị hay không.</p>	
		a. Lưu giữ hồ sơ (biên nhận từ nhà cung cấp giống), trong đó nêu rõ trọng lượng cá thả của mỗi đơn vị nuôi (xem tại 6.1.1). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	A. Xác minh trại nuôi có lưu hồ sơ về trọng lượng cá thả của mỗi đơn vị nuôi.
		b. Lưu giữ hồ sơ, trong đó nêu rõ trọng lượng cá thu hoạch ở mỗi đơn vị nuôi (xem tại 2.4.2b). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	B. Xác minh trại nuôi có lưu hồ sơ về trọng lượng cá thu hoạch của mỗi đơn vị nuôi.

		c. Tính tỷ lệ tăng trưởng trung bình của cá ở mỗi đơn vị nuôi theo mô tả bên trên (xem hướng dẫn).	C. Rà soát cách tính của trại nuôi để xác nhận trại nuôi tính đúng và đủ.
		d. Từ kết quả 6.5.1c, tính giá trị bình quân gia quyền AGR của toàn trại nuôi.	D. Xác minh trại nuôi tính giá trị bình quân gia quyền AGR đúng theo yêu cầu.
6.5.2	Chỉ thị: Mật độ tối đa tại mọi thời điểm nuôi Yêu cầu: 38 kg/m ² đối với ao nuôi và đăng, quầng Áp dụng: Ao nuôi và đăng, quầng	a. Cung cấp kế hoạch của trại nuôi, trong đó nêu rõ diện tích bề mặt (m ²) của mỗi đơn vị nuôi.	A. Rà soát cách trại nuôi tính diện tích bề mặt của mỗi đơn vị nuôi và xác nhận bằng cách kiểm tra khi đến xem xét trại nuôi.
		b. Lưu giữ hồ sơ tổng trọng lượng cá thu hoạch mỗi ao và/hoặc đăng, quầng (xem tại 2.4.2b). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	B. Xác nhận trại nuôi lưu hồ sơ về tổng trọng lượng cá thu hoạch ở của mỗi ao nuôi và/hoặc đăng, quầng một cách chính xác.
		c. Với mỗi ao nuôi, chia trọng lượng cá thu hoạch (từ 6.5.2b) cho diện tích bề mặt mỗi đơn vị nuôi (từ 6.5.2a) để tính mật độ cá (kg/m ²). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	C. Rà soát cách tính mật độ cá tại thời điểm thu hoạch để xác minh tính tuân thủ.
		d. Bên cạnh tính mật độ cá tại thời điểm thu hoạch (6.5.2c), trại nuôi phải ghi lại ước tính hàng tháng về mật độ cá của mỗi đơn vị nuôi bằng cách sử dụng sinh khối ước tính (từ nhật ký trại nuôi) và diện tích bề mặt (xem tại 6.5.2a). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	D. Rà soát ước tính của trại nuôi hàng tháng về mật độ cá để xác minh tính tuân thủ.
6.5.3	Chỉ thị: Mật độ tối đa tại mọi thời điểm nuôi Yêu cầu: 80kg/m ³ đối với lồng nuôi Áp dụng: Lồng nuôi	a. Cung cấp bản mô tả hệ thống, trong đó ghi rõ tổng số lồng nuôi và thể tích (m ³) của mỗi lồng.	A. Rà soát cách trại nuôi tính thể tích lồng nuôi và xác nhận bằng cách kiểm tra khi đến xem xét trại nuôi.
		b. Lưu giữ hồ sơ về tổng trọng lượng (kg) cá thu hoạch ở mỗi lồng nuôi. Với lần thanh tra đầu tiên, trong hồ sơ của mỗi điểm nuôi ít nhất phải lưu thông tin về một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	B. Xác nhận trại nuôi lưu hồ sơ về tổng trọng lượng cá thu hoạch ở mỗi lồng nuôi một cách chính xác.
		c. Với mỗi lồng nuôi, chia trọng lượng cá thu hoạch (từ 6.5.3b) cho thể tích lồng nuôi (6.5.3a) để tính mật độ cá (kg/m ³). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu đầy đủ hồ sơ của ít nhất một vụ nuôi hoàn chỉnh (xem lời mở đầu).	C. Rà soát cách tính mật độ cá tại thời điểm thu hoạch để xác minh tính tuân thủ.
		d. Bên cạnh tính mật độ cá tại thời điểm thu hoạch (6.5.3c), trại nuôi phải ghi lại ước tính hàng tháng về mật độ cá của mỗi lồng nuôi bằng cách sử dụng sinh khối ước tính (từ nhật ký trại nuôi) và diện tích bề mặt (xem tại 6.5.3a). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.	D. Rà soát ước tính của trại nuôi hàng tháng về mật độ cá để xác minh tính tuân thủ.
6.6 Tiêu chí: Kiểm soát dịch hại			
		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	Đánh giá của thanh tra viên (dành cho cơ quan cấp chứng nhận):
6.6.1	Chỉ thị: Áp dụng các biện pháp kiểm soát dịch hại nguy hiểm [61] Yêu cầu: Không Áp dụng: Tất cả	a. Chuẩn bị danh sách tất cả các thiết bị kiểm soát dịch hại và vị trí đặt thiết bị.	A. Rà soát danh sách
		-	B. Kiểm tra trại nuôi để xác minh trại nuôi không sử dụng các biện pháp phòng dịch hại có thể gây chết người và các sinh vật khác.
Footnote	[61] Dịch hại được định nghĩa là động vật có thể làm chết cá tra khỏe mạnh. Tiêu chuẩn tính tất cả các loài dịch hại trong suốt quá trình sản xuất, nhưng chỉ tính chim, bò sát và động vật có vú trong thời gian trang bị đơn vị nuôi (như ao nuôi, lồng nuôi và đăng, quầng). Chuột cống và chuột nhà không được đưa vào tiêu chuẩn vì chúng ít có khả năng gây hại cho cá trong trại nuôi, hay gây hại cho các hoạt động bảo tồn.		

6.6.2	Chỉ thị: Tỷ lệ tử vong của các loài có trong sách đỏ của IUCN Yêu cầu: 0 Áp dụng: Tất cả	Hướng dẫn dành cho trại nuôi cách áp dụng chỉ thị 6.6.2 - Có sự hiện diện của loài nằm trong sách đỏ của IUCN Xác định liệu các loài nằm trong sách đỏ của IUCN có xuất hiện tại khu vực không bằng cách: - truy cập http://www.iucnredlist.org/ - đi đến "other search options" - chọn "Taxonomy" (Phân loại) - chọn "Animalia" (Động vật) - xác định "Location" (Vị trí), "Systems" (Hệ thống), "Habitat" (Môi trường sống), - chọn "run search" và ghi lại danh sách các loài động vật hiện lên tại kết quả tìm kiếm và liệu hoạt động của trại nuôi có gây tổn hại chúng hay không. Ghi chú: Sách đỏ của IUCN sử dụng 9 trạng thái để phân định loài theo mức độ nguy hiểm mà chúng hiện đang đối mặt, và do vậy kết quả tìm kiếm có thể hiện ra cả loài không bị đe dọa. Để kiểm tra liệu trại nuôi có tuân thủ chỉ thị 6.6.2 hay không, các loài được phân định ở trạng thái khác của IUCN ("Không được đánh giá", "Thiếu dữ liệu" và "ít quan tâm") sẽ không được xét trong các đánh giá chuyên sâu hơn.	
		a. Có phân tích. Ghi lại danh sách các loài nằm trong sách đỏ của IUCN mà có xuất hiện tại khu vực đặt trại nuôi.	A. Phân tích lại để xác minh kết quả của trại nuôi là chính xác.
		b. Nếu có loài nằm trong sách đỏ của IUCN xuất hiện tại trại nuôi (kể cả thủy vực nhận và thủy vực nguồn), mô tả quy trình cách tránh gây chết loài của trại nuôi.	B. Xác minh quy trình của trại nuôi là phù hợp và đã được triển khai (nếu mục này là đúng).
		-	C. Trong buổi làm việc với cộng đồng địa phương, xác minh không có bằng chứng cho thấy trại nuôi gây chết các loài nằm trong sách đỏ của IUCN (xem thêm tại chỉ thị 2.2.4E).

Các yêu cầu xã hội được đề cập trong tiêu chuẩn phải được thanh tra bởi thanh tra viên trưởng và tuân theo quy trình SAAS 200 mục 3.1

NGUYÊN TẮC 7: PHÁT TRIỂN VÀ VẬN HÀNH TRẠI NUÔI MỘT CÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI, NHẪM ĐÓNG GÓP MỘT CÁCH CÓ HIỆU QUẢ VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ CÔNG TÁC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

7.1 Tiêu chí: Luật lao động

		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	
7.1.1	Chỉ thị: Tuân thủ luật lao động tại quốc gia nơi đặt trại nuôi cá tra Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Nắm được các quy định của quốc gia và địa phương về lao động. Quy định của quốc gia và địa phương ít nhất phải bao quát các vấn đề sau: hợp đồng lao động, lao động trẻ em, thời gian làm việc, điều kiện làm việc/điều kiện sống, mức lương tối thiểu và đãi ngộ/trợ cấp, sức khỏe và an toàn, quy định tại trang trại.	
		b. Đảm bảo trại nuôi và tất cả người lao động làm việc tại trại nuôi đều tuân thủ quy định về luật lao động.	

7.2 Tiêu chí: Lao động trẻ em [62] và lao động vị thành niên [63]

		Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):	
Footnote	[62] Trẻ em: Trẻ em là bao gồm tất cả trẻ dưới 15 tuổi, trừ khi quy định địa phương yêu cầu độ tuổi tối thiểu được phép làm việc hoặc phải tham gia giáo dục bắt buộc ở mức cao hơn, thì tuổi mà một người được coi là trẻ em sẽ cao hơn 15. Nếu quy định địa phương yêu cầu độ tuổi tối thiểu là 14 tuổi và phù hợp với ngoại lệ dành cho các nước đang phát triển theo Công ước ILO 138, thì mức tuổi 14 sẽ được công nhận. Trẻ em giúp đỡ cha mẹ mình việc trang trại không được tính là lao động trẻ em, nếu việc giúp đỡ này không ảnh hưởng đến việc học hay sức khỏe của trẻ.		
Footnote	[63] Lao động vị thành niên: Bất kỳ người lao động nào quá tuổi được tính là trẻ em đến dưới 18 tuổi		
7.2.1	Chỉ thị: Tuổi tối thiểu của người lao động Yêu cầu: Có Áp dụng: Tất cả	a. Có danh sách tất cả người lao động đang làm việc tại trại nuôi, trong đó ghi rõ ngày tháng năm sinh của người lao động.	
		b. Có bản sao chứng minh nhân dân của tất cả người lao động nằm trong danh sách trên, bản sao phải hiện rõ ngày tháng năm sinh của người lao động.	
		c. Đảm bảo trại nuôi không thuê lao động dưới 15 tuổi (tính tuổi dựa trên ngày tháng năm sinh), xem footnote [62]	
		d. Có tờ khai trong đó trại nuôi cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động thiếu niên dưới 15 tuổi.	

7.2.2	<p>Chỉ thị: Với người lao động dưới 18 tuổi: 1 - Công việc không được ảnh hưởng đến việc học 2 - Thời gian làm việc, cộng với thời gian đi học, không được vượt quá 10 giờ/ngày 3 - Chỉ được làm những việc nhẹ nhàng [64] 4 - Không được làm những việc nguy hiểm [65]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Trại nuôi có thuê người lao động dưới 18 tuổi</p>	<p>a. Ghi rõ các quyền lợi dành cho người lao động dưới 18 tuổi trong hợp đồng (như được đề cập trong yêu cầu) và mô tả công việc phải đủ chi tiết để thanh tra viên có thể xem xét đánh giá rằng công việc giao cho người lao động dưới 18 tuổi có nhẹ nhàng và không gây nguy hiểm hay không.</p> <p>b. Lưu giữ hồ sơ, trong đó có bản cam kết sẽ đi học đầy đủ của người lao động dưới 18 tuổi.</p> <p>c. Ghi sổ hàng ngày số giờ làm việc của tất cả người lao động dưới 18 tuổi. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.</p> <p>d. Tôn trọng quyền lợi dành cho người lao động dưới 18 tuổi được nêu trong yêu cầu.</p>
Footnote	[64] Việc nhẹ: (Công ước ILO 138, điều 7.1) Các việc nhẹ là các việc 1) không gây hại sức khỏe và sự phát triển của trẻ và 2) không gây trở ngại việc đi học, việc tham gia khóa định hướng nghề nghiệp hay khóa đào tạo, của trẻ, và không giảm khả năng tiếp nhận thông tin của trẻ.	
Footnote	[65] Việc nguy hiểm: Là các việc mà về bản chất hay khi đặt trong bối cảnh thực hiện, có nguy cơ gây hại đến sức khỏe, sự an toàn và phẩm hạnh của người lao động	
7.3 Tiêu chí: Lao động bắt buộc và cưỡng ép [66]		
Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):		
Footnote	[66] Lao động cưỡng ép (bắt buộc): Lao động cưỡng ép là khi người lao động phải làm việc hay cung cấp dịch vụ với điều kiện nếu không làm sẽ bị phạt, tức là họ làm việc một cách không tự nguyện hoặc làm vì phải cấn trừ nợ nần. “Hình phạt” ở đây có thể là phạt bằng tiền, phạt bằng cách gây tổn thương thể xác, tước quyền lợi và đặc quyền người lao động đáng được hưởng hay giới hạn khả năng di chuyển (giữ tài liệu nhận dạng)	
7.3.1	<p>Chỉ thị: Người lao động được phép đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và được trả lương đầy đủ cho đến ngày làm việc cuối cùng, nếu họ đã gửi đơn xin thôi việc hợp lệ [67] cho người sử dụng lao động [68]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Ghi rõ trong hợp đồng người lao động được phép đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và nhận đủ lương cho đến ngày làm việc cuối cùng.</p> <p>b. Tôn trọng quyền lợi dành cho người lao động được nêu trong yêu cầu.</p> <p>c. Đảm bảo không ai ở trại nuôi hay không có người đại diện nào của người sử dụng lao động giữ giấy tờ nhận diện của người lao động.</p> <p>d. Đảm bảo trại nuôi không giữ lương, đãi ngộ, tài sản hoặc giấy tờ của người lao động để buộc họ phải tiếp tục làm việc tại trại nuôi.</p> <p>e. Đảm bảo người lao động không bị ép làm việc tại trại nuôi để cấn trừ nợ.</p>
Footnote	[67] Như được nêu trong hợp đồng.	
Footnote	[68] Người sử dụng lao động là người tự mở hoạt động kinh doanh hay hợp tác với một hoặc một vài cộng sự, tự làm chủ công việc kinh doanh của mình, và có khả năng thuê thường xuyên (hoặc một giai đoạn nhất định) một hay nhiều người về làm việc cho họ với tư cách là nhân viên.	
7.4 Tiêu chí: Sức khỏe và an toàn		
Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):		
7.4.1	<p>Chỉ thị: Người sử dụng lao động tạo môi trường sống và làm việc an toàn</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cập nhật danh sách tất cả các mối nguy về sức khỏe và an toàn mà người lao động có thể gặp phải tại nơi làm việc hoặc tại nơi sinh sống.</p> <p>b. Đề ra Quy trình làm việc tiêu chuẩn (SOP) hoặc Hướng dẫn thực hành an toàn (SOP) cho tất cả mối nguy về sức khỏe và an toàn kể trên.</p> <p>c. Đảm bảo người lao động tuân thủ quy trình SOP cho các vấn đề về sức khỏe và an toàn và người lao động được bảo hộ đầy đủ khi tiếp xúc với mối nguy.</p> <p>d. Đảm bảo người lao động có nước sạch để uống.</p> <p>e. Đảm bảo hệ thống xử lý chất thải của người an toàn và hợp vệ sinh.</p>

		f. Đảm bảo vật liệu xây dựng nhà ở cho người lao động đủ sức chống chịu các điều kiện thời tiết và môi trường.
7.4.2	<p>Chỉ thị: Người lao động ý thức được các mối nguy [69] về sức khỏe và an toàn có thể xảy ra tại nơi làm việc và biết cách xử lý rủi ro</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả, toàn trại nuôi</p>	a. Đảm bảo tất cả người lao động đều nhận thức được mối nguy được liệt kê tại mục 7.4.2a và nắm rõ quy trình SOP được liệt kê tại mục 7.4.1b.
Footnote	[69] Mối nguy: Là các sự việc tiềm ẩn nguy cơ gây tổn thương sức khỏe hay gây chấn thương cho người lao động – ví dụ người lao động không được trang bị bảo hộ khi làm việc với máy móc hạng nặng/ khi phơi nhiễm với hóa chất độc hại.	
7.4.3	<p>Chỉ thị: Người sử dụng lao động ghi chép lại toàn bộ các tai nạn xảy ra, kể cả không nghiêm trọng, [70], và đề ra hành động phòng ngừa và khắc phục cho từng trường hợp tai nạn</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Ghi sổ mọi tai nạn xảy ra và biện pháp khắc phục. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.</p> <p>b. Đảm bảo trại nuôi thực hiện các biện pháp khắc phục đúng theo từng trường hợp tai nạn.</p>
Footnote	[70] Tai nạn không được xử lý tại chỗ, người gặp tai nạn phải được đưa đến cơ sở y tế gần nhất.	
7.4.4	<p>Chỉ thị: Người sử dụng lao động phải đảm bảo người lao động được ký kết hợp đồng chính thức có bảo hiểm y tế [71]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu giữ danh sách người lao động được ký hợp đồng làm việc chính thức.</p> <p>b. Cung cấp bằng chứng cho thấy tất cả người lao động được ký hợp đồng làm việc chính thức đều có bảo hiểm y tế.</p>
Footnote	[71] Người lao động nếu làm hơn 3 tháng/năm đều được hưởng bảo hiểm y tế. Nếu người lao động không được chính phủ chi trả bảo hiểm, người sử dụng lao động phải mua bảo hiểm cho người lao động đã ký hợp đồng chính thức, và bảo hiểm phải chi trả 100% chi phí liên quan đến tai nạn/chấn thương lao động. Tuy nhiên những chi phí phát sinh khi người lao động bị thương tật vĩnh viễn có thể không được chi trả.	
7.5 Tiêu chí: Quyền tự do tham gia đoàn thể và thỏa ước tập thể [72]		
Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):		
Footnote	[72] Thỏa ước tập thể: là văn bản thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và tổ chức của người lao động, trong đó nêu các điều khoản và điều kiện làm việc mà hai bên đã đạt được qua thương lượng tự nguyện.	
7.5.1	<p>Chỉ thị: Người lao động [73] có quyền thành lập hay tham gia vào các tổ chức đoàn thể giúp bảo vệ quyền lợi của bản thân họ (kể cả quyền thỏa ước tập thể) mà không bị người sử dụng lao động can thiệp hay bị đối xử bất công vì sử dụng quyền lợi của mình [74].</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu bản sao hợp đồng lao động và ghi rõ trong hợp đồng người lao động có quyền thành lập hay tham gia vào các tổ chức đoàn thể.</p> <p>b. Đảm bảo người lao động có quyền thành lập hay tham gia công đoàn và không bị người sử dụng lao động/hay bị các tổ chức cạnh tranh do người sử dụng lao động thành lập hoặc ủng hộ ngăn cản. ILO đặc biệt nghiêm cấm "các hành vi đẩy mạnh việc thành lập các tổ chức công nhân hoặc ủng hộ các tổ chức công nhân dưới sự kiểm soát của người sử dụng lao động hay tổ chức của người sử dụng lao động".</p> <p>c. Đảm bảo công đoàn và/hoặc các tổ chức dân sự xã hội hoạt động trong lĩnh vực quyền lao động được phép gặp gỡ/đưa thông tin đến người lao động một cách trực tiếp (qua poster, tờ rơi, họp mặt).</p> <p>d. Đảm bảo đại diện công đoàn đến gặp mặt các thành viên tại nơi làm việc tại thời điểm thích hợp.</p> <p>e. Cung cấp tờ khai, trong đó nêu rõ người sử dụng lao động cam kết người lao động có quyền tham gia vào các tổ chức đoàn thể và quyền thỏa ước tập thể.</p>

Footnote	[73] Người lao động: là người ký kết hợp đồng lao động có thời hạn hoặc vô thời hạn với doanh nghiệp, làm việc cho doanh nghiệp và nhận lương bằng tiền mặt hoặc sản phẩm. Người thân của chủ trại nuôi (như con cái, vợ/chồng, cha mẹ, anh chị em) hay lao động đối công có thể không được tính là người lao động, trừ khi họ thể hiện mong muốn được làm việc như người lao động.	
Footnote	[74] Người lao động không được cấm tham gia các tổ chức đoàn thể nếu các tổ chức này có tồn tại. Nếu các tổ chức này không tồn tại hay hoạt động phạm pháp, công ty cần phải thể hiện rõ họ sẵn sàng tham gia đối thoại tập thể với đại diện do người lao động bầu ra.	
7.6 Tiêu chí: Phân biệt đối xử		
Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):		
7.6.1	<p>Chỉ thị: Người lao động không bị người sử dụng lao động hay những người lao động khác phân biệt đối xử [75]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đề ra chính sách chống phân biệt đối xử và đảm bảo chính sách được triển khai tại trại nuôi, trong chính xác nêu rõ trong suốt quá trình tuyển dụng, xét thù lao, đào tạo, xét thăng chức, xét nghỉ việc hoặc nghỉ hưu, trại nuôi không có/không ủng hộ bất kỳ hành vi phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, địa vị, xuất xứ, tôn giáo, tật nguyền, giới tính, xu hướng tình dục, thành viên công đoàn, tư tưởng chính trị, tuổi tác hoặc bất kỳ vấn đề nào khác mà có thể làm dấy lên việc phân biệt đối xử.</p> <p>b. Lưu giữ hồ sơ những lần thay đổi mức lương, thăng chức hoặc đào tạo người lao động. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.</p> <p>c. Đề ra chính sách bảo vệ phụ nữ có thai và phụ nữ đang cho con bú, và đảm bảo chính sách được triển khai tại trại nuôi.</p>
Footnote	[75] Bao gồm nhưng không giới hạn: chủng tộc, địa vị, xuất xứ, màu da, giới tính, tuổi tác, tật nguyền, tôn giáo, xu hướng tình dục, dân bản địa hay nhập cư, đoàn thể hay tư tưởng chính trị.	
7.7 Tiêu chí: Đối xử công bằng và tiến bộ với người lao động (kể cả trong các biện pháp kỷ luật)		
Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):		
7.7.1	<p>Chỉ thị: Người sử dụng lao động đối xử với người lao động một cách tôn trọng và tử tế</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đảm bảo tất cả người lao động đều được đối xử một cách tôn trọng và tử tế (ví dụ không bóc lột/hành hạ về mặt thể chất).</p> <p>b. Không trừ lương người lao động như là một biện pháp kỷ luật (ví dụ khi người lao động làm hư hỏng thiết bị).</p>
7.8 Tiêu chí: Giờ làm việc		
Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):		
7.8.1	<p>Chỉ thị: Số giờ làm việc tối đa</p> <p>Yêu cầu: 8 tiếng/ngày hoặc 48 tiếng/tuần (không nhất thiết là phải liên tục)</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu giữ bảng chấm công của tất cả người lao động. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.</p> <p>b. Đảm bảo thời gian làm việc của người lao động không vượt quá 8 tiếng/ngày hoặc 48 tiếng/tuần.</p>
7.8.2	<p>Chỉ thị: Người lao động có quyền rời trại nuôi sau khi đã hoàn thành xong công việc được giao trong ngày</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả, toàn trại nuôi</p>	<p>a. Đảm bảo người lao động được phép rời trại nuôi trong thời gian rảnh (tức là thời gian họ không phải làm việc).</p> <p>b. Lưu giữ bản sao hợp đồng lao động và trong hợp đồng có ghi rõ người lao động được quyền rời trại nuôi.</p>
7.8.3	<p>Chỉ thị: Thời gian nghỉ tối thiểu</p> <p>Yêu cầu: 2 đêm/tuần nếu người lao động ở lại trại nuôi và trọn vẹn 4 ngày/tuần với tất cả người lao động</p>	<p>a. Đảm bảo tất cả người lao động ở lại trại nuôi có 2 đêm nghỉ/tuần.</p> <p>b. Đảm bảo tất cả người lao động có ít nhất 4 ngày nghỉ/tháng.</p>

	Áp dụng: Tất cả, toàn trại nuôi	c. Lưu giữ bảng chấm công của tất cả người lao động (tương tự 7.8.1a). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.
7.8.4	<p>Chỉ thị: Làm việc ngoài giờ:</p> <p>1 - Do người lao động tự nguyện</p> <p>2 - Không vượt quá mức tối đa là 12 tiếng/tuần</p> <p>3 - Do bất đắc dĩ (không thường xuyên xảy ra)</p> <p>4 - Người lao động được trả thêm [76] khi làm ngoài giờ (ví dụ cao hơn 20% so với mức lương bình thường)</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả, toàn trại nuôi</p>	<p>a. Đảm bảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - người lao động tự nguyện làm việc ngoài giờ - số giờ làm ngoài giờ không vượt quá mức tối đa là 12 tiếng/tuần - việc làm ngoài giờ là bất đắc dĩ - người lao động được trả lương ngoài giờ (theo quy định của quốc gia/địa phương và ít nhất phải cao hơn 20% mức lương ngày thường) <p>b. Lưu giữ bảng chấm công của tất cả người lao động (tương tự 7.8.1a). Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.</p> <p>c. Lưu giữ bản sao hợp đồng lao động và trong hợp đồng có ghi rõ điều kiện làm việc ngoài giờ và quyền lợi liên quan.</p> <p>d. Lưu giữ biên lai các đợt trả lương ngoài giờ.</p>
Footnote	[76] Lương ngoài giờ: mức lương cao hơn mức lương bình thường vào các ngày làm việc trong tuần. Mức lương ngoài giờ được tính theo quy định của từng quốc gia hay tiêu chuẩn của ngày. Lương ngoài giờ ít nhất phải cao hơn 120% mức lương bình thường.	
7.9 Tiêu chí: Mức lương công bằng và hợp lý		
Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):		
7.9.1	<p>Chỉ thị: Người sử dụng lao động ít nhất phải trả lương bằng với mức lương tối thiểu được quy định trong luật, hoặc đảm bảo mức lương đó đủ để người lao động chi trả các nhu cầu thiết yếu [77], cộng thêm một khoản thu nhập tùy ý [78], trong hai các tính lương trên, mức lương nào cao hơn thì áp dụng</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả, toàn trại nuôi</p>	<p>a. Có văn bản quy định mức lương tối thiểu dành cho người lao động làm việc tại khu vực mà trại nuôi hoạt động.</p> <p>b. Nếu mức lương tối thiểu chưa được quy định trong luật, tính mức lương cơ bản, tham khảo ý kiến của người lao động và tổ chức đại diện cho họ, và tham khảo chi phí tiêu dùng được tổng hợp bởi các nguồn uy tín. Soạn thảo quy trình và đảm bảo tất cả người lao động đều được quyền xem văn bản.</p> <p>c. Lưu giữ bản sao hợp đồng lao động và đảm bảo người lao động ít nhất phải được trả mức lương tối thiểu.</p> <p>d. Lưu giữ biên lai các đợt trả lương cho người lao động. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.</p>
Footnote	[77] Nhu cầu thiết yếu được tính bằng cách xác định chi phí cần bỏ ra cho một giỏ hàng để có được một bữa ăn đủ chất, phần trăm ngân sách gia đình dùng để mua thực phẩm và chi trả các chi phí cần thiết khác, và số thành viên trung bình của một hộ gia đình tại mỗi quốc gia. Chi phí cần bỏ ra cho một giỏ hàng được lấy từ các khảo sát uy tín do các cơ quan nhà nước và các tổ chức phát triển khác thực hiện. Mức lương cơ bản ít nhất phải đủ để chi trả 50% nhu cầu của một gia đình cơ bản, nhu cầu bao gồm thức ăn, nước sạch, quần áo, nhà ở, phương tiện di chuyển, học hành, thuế, chăm sóc y tế và thêm 10% thu nhập tùy ý (SA8000). Người sử dụng lao động ít nhất phải trả cho người lao động toàn thời gian mức lương cơ bản (mà không cần phải giảm trừ gia cảnh) hoặc bằng với mức lương tối thiểu được quy định bởi luật, trong hai cách tính lương trên, cách tính nào cho mức lương cao hơn thì áp dụng. Mức lương cơ bản ở đây nghĩa là mức lương cuối cùng sau khi đã trừ thuế và các chi phí khác. Bất kỳ các chi phí bắt buộc nào mà người lao động/người sử dụng lao động phải trả (như đồng phục, dụng cụ và bữa trưa) sẽ không làm mức lương cơ bản không còn đủ để trang trải cuộc sống.	
Footnote	[78] Về hướng dẫn và cách tính mức lương cơ bản, xem tài liệu hướng dẫn SA8000.	
7.9.2	<p>Chỉ thị: Người lao động có quyền được biết về cách tính lương và đãi ngộ</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Cung cấp tờ khai, trong đó nêu rõ cách trại nuôi tính lương.</p> <p>b. Đảm bảo người lao động đều được biết cách tính lương của trại nuôi.</p>
7.9.3	Chỉ thị: Tiền lương phải được trả bằng tiền mặt hoặc bằng cách khác nhưng phải thuận tiện nhất cho người lao động	a. Lưu giữ hồ sơ cách phương thức thanh toán theo mong muốn của từng người lao động.

7.9.3	<p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	b. Giữ hồ sơ các đợt trả lương, trong đó ghi rõ phương thức thanh toán.
7.10 Tiêu chí: Hợp đồng lao động		
Compliance criteria (Required Client Actions):		
7.10.1	<p>Chỉ thị: Người lao động phải có bản sao hợp đồng lao động, phải hiểu rõ các điều khoản nêu trong hợp đồng [79]</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đảm bảo người lao động có bản sao hợp đồng lao động.</p> <p>b. Đảm bảo người lao động hiểu rõ các điều khoản nêu trong hợp đồng.</p>
Footnote	[79] Nếu hợp đồng lao động là giao kết bằng miệng (ví dụ như trại nuôi ở vùng sâu vùng xa, các bên trong hợp đồng mù chữ hay trại nuôi gia đình có quy mô nhỏ), cần phải làm rõ liệu các nội dung được thỏa thuận miệng có được hai bên đồng ý và hiểu rõ không. Phỏng vấn chéo mỗi bên để đảm bảo rằng cách hiểu của người lao động và người sử dụng lao động về hợp đồng bằng miệng là như nhau.	
7.10.2	<p>Chỉ thị: Thời gian thử việc tối đa được đề cập trong hợp đồng lao động, với trường hợp không phải là quản lý trại nuôi hay người lao động có bằng đại học</p> <p>Yêu cầu: 1 tháng</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu giữ bản sao hợp đồng lao động (trong trường hợp này, người lao động không phải là quản lý trại nuôi hay có bằng đại học) và đảm bảo hợp đồng ghi rõ thời gian thử việc và thời gian thử việc không được quá 1 tháng.</p> <p>b. Đảm bảo người lao động hiểu rõ và chấp nhận thử việc trong thời gian nói trên.</p>
7.10.3	<p>Chỉ thị: Thời gian thử việc tối đa được đề cập trong hợp đồng lao động đối với quản lý trại nuôi hay người lao động có bằng đại học</p> <p>Yêu cầu: 2 tháng</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu giữ bản sao hợp đồng lao động (trong trường hợp này, người lao động là quản lý trại nuôi hay có bằng đại học) và đảm bảo hợp đồng ghi rõ thời gian thử việc và thời gian thử việc không được quá 2 tháng.</p> <p>b. Đảm bảo người lao động hiểu rõ và chấp nhận thử việc trong thời gian nói trên.</p>
7.11 Tiêu chí: Hệ thống quản lý		
Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):		
7.11.1	<p>Chỉ thị: Người sử dụng lao động phải đảm bảo người lao động có phương tiện để trao đổi với họ về những vấn đề liên quan đến quyền lợi lao động và điều kiện làm việc mà không phải để lộ danh tính</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Bố trí hộp khiếu nại trên toàn trại nuôi.</p> <p>b. Đảm bảo người lao động hiểu rõ cách sử dụng hộp khiếu nại và bộ phận quản lý trại nuôi khuyến khích người lao động dùng chúng.</p>
7.11.2	<p>Chỉ thị: % khiếu nại của người lao động mà người sử dụng lao động có ghi số, theo sát và giải quyết</p>	a. Lưu giữ sổ ghi các vấn đề mà người lao động khiếu nại (bao gồm cả mẫu đơn khiếu nại), ngày và cách giải quyết. Với lần thanh tra đầu tiên, sổ ghi phải lưu thông tin từ 6 tháng trở lên.

7.11.2	<p>Yêu cầu: 100%</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>b. Đảm bảo người lao động được quyền xem sổ ghi tại thời điểm hợp lý.</p>
7.11.3	<p>Chỉ thị: % khiếu nại được giải quyết [80] trong vòng một tháng kể từ khi người sử dụng lao động nhận được đơn khiếu nại [81]</p> <p>Yêu cầu: 90%</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu giữ bằng chứng các vấn đề do người lao động khiếu nại và cách vấn đề được giải quyết. Bằng chứng có thể bao gồm lá đơn có chữ ký của người lao động hoặc đại diện của họ.</p> <p>b. Ghi lại các vấn đề đã được giải quyết vào sổ ghi (xem tại 7.11.2a)</p> <p>c. Thường xuyên tổng kết theo tháng và tính % khiếu nại được giải quyết trong vòng một tháng.</p>
Footnote	[80] Một mâu thuẫn được xem là đã giải quyết xong là khi cả hai bên đều đồng ý loại bỏ khiếu nại khỏi danh sách khiếu nại.	
Footnote	[81] Khiếu nại có thể đến từ người cùng sử dụng nguồn lợi tự nhiên, người lao động và người mua (đơn vị trung gian hay đơn vị chế biến).	
7.11.4	<p>Chỉ thị: Xây dựng và tuân thủ kế hoạch giải quyết mâu thuẫn còn tồn đọng</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu giữ sổ ghi các vấn đề mà người lao động khiếu nại (xem tại 7.11.2a) và sổ ghi bao gồm kế hoạch giải quyết các mâu thuẫn còn tồn đọng.</p> <p>b. Đảm bảo trại nuôi tuân thủ kế hoạch đề ra.</p>
7.11.5	<p>Chỉ thị: Thời gian để ký kết hợp đồng [82] với các nhà cung cấp có đảm bảo điều kiện làm việc là an toàn và lành mạnh cho người lao động [83]</p> <p>Yêu cầu: Trong vòng 1 năm kể từ khi được cấp chứng nhận</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Với lần thanh tra đầu tiên, chuẩn bị tờ khai, trong đó nêu rõ trại nuôi cam kết chỉ ký hợp đồng với các nhà cung cấp có đảm bảo điều kiện làm việc là an toàn và lành mạnh cho người lao động trong suốt 1 năm.</p> <p>b. Với các lần thanh tra tiếp theo, đảm bảo tất cả nhân viên của nhà cung cấp hiện đang làm việc tại trại nuôi tuân thủ mọi yêu cầu về sức khỏe và an toàn được đề cập trong chỉ thị (thuộc tiêu chí 7.1, 7.2 và 7.4)</p>
Footnote	[82] Bao gồm hợp đồng bằng văn bản và hợp đồng bằng miệng.	
Footnote	[83] Như được định nghĩa bởi bộ tiêu chuẩn này.	
7.12 Tiêu chí: Ghi chép và lưu giữ hồ sơ		
Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):		
7.12.1	<p>Chỉ thị: Có hồ sơ ghi chép về số giờ làm việc của từng người lao động làm việc tại trại nuôi</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả, toàn trại nuôi</p>	<p>a. Lưu giữ bảng chấm công của tất cả người lao động. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.</p> <p>b. Lưu giữ danh sách tất cả người lao động hiện đang làm việc tại trại nuôi.</p>
7.13 Tiêu chí: Đánh giá tác động xã hội có sự tham gia của cộng đồng địa phương		
Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):		
7.13.1	<p>Chỉ thị: Đánh giá tác động xã hội có nhiều bên tham gia (p-SIA) [84] được triển khai (thông tin chi tiết xem tại phụ lục F) và các tác động sau khi được nhận diện đã được giảm thiểu</p>	<p>a. Cung cấp bản đánh giá p-SIA trong đó đề cập đến mọi vấn đề được nêu trong phụ lục F. Với trại nuôi có quy mô lớn (như tích hợp nhiều ngành), p-SIA phải được triển khai bởi chuyên gia. Triển khai một đợt p-SIA mới ít nhất ba năm một lần.</p>

7.13.1	<p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>b. Với trại nuôi có quy mô lớn, cung cấp bằng chứng, trong đó nêu rõ trải nghiệm của chuyên gia khi triển khai p-SIA. Bằng chứng phải bao gồm hồ sơ theo dõi các lần tham vấn có sự tham gia của cộng đồng nông thôn trong ít nhất ba năm.</p>
Footnote	<p>[84] p-SIA: Là bản đánh giá các mặt tích cực và tiêu cực cũng như rủi ro của một dự án đã được lên kế hoạch hay đang triển khai (như trại nuôi và mở rộng trại nuôi), bản đánh giá được thực hiện trên tinh thần tất cả các bên liên quan đều góp công vào quá trình đánh giá, đưa ra kết quả và đi đến kết luận. Các bước thực hiện và thông tin liên quan đều phải được công khai.</p>	
7.13.2	<p>Chỉ thị: Cộng đồng địa phương [85], chính quyền địa phương và ít nhất một tổ chức dân sự được chọn bởi cộng đồng, có bản sao p-SIA được viết bằng tiếng địa phương</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu giữ hồ sơ tất cả những người đã nhận được bản sao của p-SIA.</p> <p>b. Có chữ ký của ít nhất 50% số người đã nhận được bản sao p-SIA. Trong số những người ký danh sách, ít nhất phải có những người sau: đại diện cộng đồng địa phương (nếu có người đại diện được đề cử bởi số đông dân cư), đại diện chính quyền địa phương và tổ chức dân sự xã hội (nếu áp dụng).</p>
Footnote	<p>[85] Cộng đồng: Một tập hợp người, dù có nhiều điểm khác nhau, nhưng gắn kết với nhau qua các ràng buộc xã hội, do cùng chung chí hướng hay cùng tham gia một hoạt động, sống cạnh nhau trong một khu vực địa lý nhất định. Có bốn chỉ thị cơ bản 1.) chính quyền dân sự của một cộng đồng (thị trấn, làng, xóm ấp) và có người đại diện cho cộng đồng đó (người đứng đầu cộng đồng, dù chính thức hay không chính thức); 2.) một nhóm người co cụm trong một không gian địa lý nhất định; không gian địa lý đủ nhỏ để những người sống trong đó quen mặt nhau; 3.) có tài sản chung hay hưởng lợi ích chung, biết được điều đó hoặc được biết tới vì điều đó; và 4.) cảm nhận được bản sắc riêng của cộng đồng (tức là đề cập đến cả cộng đồng khi xưng hô, gọi là “chúng tôi” thay vì “họ”) về bất cứ mặt nào, ví dụ xã hội, văn hóa, kinh tế hay tôn giáo.</p>	
<p>7.14 Tiêu chí: Khiếu nại của cộng đồng địa phương</p>		
<p>Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):</p>		
7.14.1	<p>Chỉ thị: Xây dựng và áp dụng chính sách giải quyết mâu thuẫn có thể xác minh được [86], [87], dành cho cộng đồng địa phương</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Đề ra chính sách giải quyết mâu thuẫn với cộng đồng địa phương và đảm bảo chính sách được triển khai tại trại nuôi.</p> <p>b. Lưu giữ hồ sơ tất cả những người đã nhận được bản sao chính sách.</p> <p>c. Có chữ ký của ít nhất 50% số người đã nhận được bản sao p-SIA. Trong số những người ký danh sách, ít nhất phải có những người sau: đại diện cộng đồng địa phương (nếu có người đại diện được đề cử bởi số đông dân cư), đại diện chính quyền địa phương và tổ chức dân sự xã hội (nếu áp dụng).</p> <p>d. Lưu hồ sơ các buổi gặp mặt (ít nhất mỗi năm hai lần) với cộng đồng địa phương nhằm nhận diện và giải quyết mâu thuẫn. Hồ sơ phải bao gồm danh sách những người tham dự, chương trình làm việc, kế hoạch hành động đã được chấp thuận và tóm tắt buổi họp. Với lần thanh tra đầu tiên, hồ sơ phải có lưu thông tin của ít nhất một buổi họp (buổi họp này có thể nằm trong quy trình p-SIA nếu p)SIA đã được triển khai ít nhất là 6 tháng trước khi thanh tra).</p>
Footnote	<p>[86] Chính sách cần nêu rõ làm cách nào khiếu nại và mâu thuẫn được theo dõi một cách minh bạch và giải thích cách giải quyết tất cả khiếu nại được đưa ra.</p>	
Footnote	<p>[87] Quy trình giải quyết khiếu nại phải được ghi chép lại và buổi họp phải được tóm tắt. Tóm tắt bao gồm chương trình làm việc (danh sách các vấn đề được quan tâm), cách giải quyết hoặc thỏa thuận đạt được, ai làm việc gì và khi nào, và danh sách người tham dự. Chính quyền địa phương và ít nhất một tổ chức dân sự hay một tổ chức địa phương được cộng đồng lựa chọn phải được phép tham gia vào quá trình giải quyết khiếu nại cũng như được phép tiếp cận hồ sơ. Mâu thuẫn được xem như đã giải quyết xong khi cả hai bên đều đồng ý loại vấn đề khỏi chương trình làm việc.</p>	
7.14.2	<p>Chỉ thị: Có hộp thư khiếu nại, sổ ghi chép khiếu nại và giấy ghi nhận khiếu nại được viết bằng tiếng địa phương</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Bố trí hộp khiếu nại tại các vị trí mà cộng đồng dân cư dễ tiếp cận.</p> <p>b. Lưu giữ đơn khiếu nại của cộng đồng địa phương. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.</p> <p>c. Cung cấp bằng chứng cho thấy trại nuôi có xác nhận đã nhận được khiếu nại của cộng đồng địa phương (ví dụ qua một tờ thông báo đến cộng đồng địa phương trong đó nêu rõ trại nuôi đã nhận được khiếu nại hoặc giấy biên nhận).</p>

		d. Ghi sổ các khiếu nại nhận được. Trong sổ ghi phải đề cập ngày, khiếu nại và biện pháp giải quyết. Với lần thanh tra đầu tiên, sổ ghi phải lưu thông tin ít nhất từ 6 tháng trở lên.
7.14.3	<p>Chỉ thị: % mâu thuẫn được giải quyết trong thời hạn được lưu hồ sơ</p> <p>Yêu cầu: Trong vòng 6 tháng: 50% Trong vòng 1 năm: 75% Trong vòng 2 năm: 100%</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Ghi sổ các khiếu nại nhận được (xem tại 7.14.2d), trong đó ghi rõ khiếu nại nào đã được giải quyết và ngày giải quyết.</p> <p>b. Lưu giữ biên bản cuộc họp với cộng đồng dân cư (xem tại 7.14.2d), trong đó ghi rõ các vấn đề đang được thảo luận và các vấn đề đã được giải quyết.</p>
7.15 Tiêu chí: Ưu tiên sử dụng lao động địa phương		
Tiêu chí tuân thủ (dành cho trại nuôi):		
7.15.1	<p>Chỉ thị: Có bằng chứng chứng minh trại nuôi có đăng quảng cáo tìm người trong cộng đồng địa phương trước khi thuê người lao động từ nơi khác đến</p> <p>Yêu cầu: Có</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu giữ danh sách tất cả người lao động hiện đang làm việc tại trại nuôi, trong đó ghi rõ nơi sinh của người lao động.</p> <p>b. Với những trại nuôi mà người lao động từ nơi khác đến (theo 7.15.1a), cung cấp bản sao các tin tuyển dụng mà trại nuôi đã đặt quanh trại. Với lần thanh tra đầu tiên, quảng cáo phải được đăng trước đó 6 tháng.</p> <p>c. Với những trại nuôi mà người lao động từ nơi khác đến (theo 7.15.1a), cung cấp danh sách trong đó ghi rõ tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của những người mà trại nuôi đã tham vấn cách đăng tin tuyển dụng tại cộng đồng địa phương. Với lần thanh tra đầu tiên, trại nuôi phải lưu hồ sơ từ 6 tháng trở lên.</p>
7.15.2	<p>Chỉ thị: Có giải thích lý do tuyển dụng từng người lao động và giải thích lý do tại sao không tuyển lao động địa phương</p> <p>Yêu cầu: Có, trong trường hợp người đến từ nơi khác được tuyển dụng</p> <p>Áp dụng: Tất cả</p>	<p>a. Lưu giữ danh sách tất cả người lao động hiện đang làm việc tại trại nuôi, trong đó ghi rõ nơi sinh của người lao động (tương tự 7.15.1a)</p> <p>b. Với những trại nuôi mà người lao động từ nơi khác đến (theo 7.15.1a), cung cấp văn bản lý giải lý do tuyển dụng người lao động không thuộc địa phương.</p>

Bảng 2. Danh sách kiểm tra, bao gồm các hồ sơ mà trại nuôi phải cung cấp cho thanh tra viên để chứng minh tính tuân thủ các yêu cầu cần dữ liệu của các vụ nuôi

Số	Mô tả	Chỉ thị	Thời gian lưu hồ sơ	Có/Không/NA
1	Hồ sơ về nước cấp/nước dẫn vào ao nuôi.	2.4.1a, 2.4.2a	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
2	Hồ sơ về loại thức ăn và lượng thức ăn sử dụng.	3.1.1a, 3.1.2a	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
3	Tờ khai của nhà cung cấp về hàm lượng TP và TN có trong thức ăn.	3.1.1b, 3.1.2b	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
4	Hồ sơ về lượng TP và TN trên mỗi tấn cá thương phẩm và kết quả xét nghiệm của phòng thí nghiệm.	3.1.1d, 3.1.1e, 3.1.2d, 3.1.2e	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
5	Số liệu đo DO hàng tuần (để xác định nồng độ TO tối thiểu trong nước thải).	3.3.3a	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
6	Hồ sơ về lượng cá chết và cách tiêu hủy cá chết.	3.6.1b	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
7	Hồ sơ về kích thước cá.	4.5.1a	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
8	Sổ ghi các đợt kiểm tra và sửa chữa mắt lưới hay vây.	4.5.2b	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
9	Hồ sơ về các biện pháp mà trại nuôi đã thực hiện khi phát hiện có cá xông thoát.	4.5.4c	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
10	Hồ sơ chứng minh lượng cá thả đã được thu hoạch hoặc tiêu hủy đúng cách.	4.6.2b	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
11	Văn bản giải thích lý do trại nuôi ngưng hoạt động trên ba tháng.	4.6.2c	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
12	Hồ sơ (biên nhận, giấy xác nhận của nhà cung cấp) về trọng lượng trung bình của cá giống và số lượng cá giống.	5.2.1a	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
13	Hồ sơ về lượng cá thu hoạch.	5.2.1c	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
14	Cách tính eFCR và năng suất từng vụ nuôi.	5.2.1d	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
15	Hồ sơ về trọng lượng trung bình của cá giống và số lượng cá giống khi được thả vào mỗi đơn vị nuôi.	6.1.1a, 6.5.1a	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
16	Hồ sơ về tổng lượng cá thu hoạch ở mỗi đơn vị nuôi.	6.1.1b	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
17	Danh sách tất cả các loại thuốc thú y, hóa chất và sản phẩm sinh học cũng như cách sử dụng.	6.2.1a, 6.2.1b	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
18	Hồ sơ về phiếu chẩn đoán/khuyên dùng cho tất cả các loại thuốc thú y và hóa chất đã được sử dụng tại trại nuôi.	6.2.2a	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
19	Hồ sơ lưu hàng ngày về nhiệt độ nước và lượng hóa chất dùng, đối với hóa chất cần có thời gian nhất định để phân giải hoàn toàn.	6.2.4a	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
20	Danh sách tất cả các loại thuốc kháng sinh được sử dụng tại trại nuôi.	6.2.5a	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
21	Biên nhận các đơn mua thuốc thú y.	6.2.6b	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
22	Hồ sơ ghi chi tiết cách các cơ sở nuôi giống và nuôi thương phẩm sử dụng thuốc thú y và hóa chất (bao gồm cả thời gian thuốc cần để phân giải hoàn toàn)	6.4.1b, 6.4.1d	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
23	Hồ sơ lưu hàng ngày về các dấu hiệu bị sốc hoặc bị bệnh của cá.	6.4.3a	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
24	Hồ sơ lưu hàng ngày về tỷ lệ cá chết.	6.4.4a	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
25	Hồ sơ về tổng trọng lượng cá thu hoạch ở mỗi đơn vị nuôi.	6.5.1b, 6.5.2b, 6.5.3b	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	
26	Mật độ cá ở mỗi đơn vị nuôi tại thời điểm thu hoạch.	6.5.2c, 6.5.3c	1 vụ hoàn chỉnh (xem lời mở đầu tại hướng dẫn)	

ROW HEIGHT	COLOR CODE	
15.0	R69/G155/B132	Principle
15.0	R189/G213/B206	Criteria
		Indicator
37.5		... if 1 sentence
48.0		... if 2 sentences
67.5		... if 3 sentences
manual		... if more sentences
	R252/G213/B180	Footnote
21.0		... nếu 1 câu.
42.0		... nếu 2 câu.
63.0		... nếu 3 câu

Ghi nhớ các mục sau:

- * Văn bản mỗi ô có được hiển thị rõ ràng? (kéo ô để kiểm tra/hợp ô nếu cần)
- * Màu ô và chiều cao ô đã đúng chưa?
- * Màu đúng (tại footer)
- * Số trang # (tại footer) <- tổng số trang được chèn thủ công
- * Khi xuất ra trang pdf, các hàng có tách nhau ra một cách rõ ràng không?

